|  |
| --- |
| PHÒNG GD&ĐT VĂN GIANG**TRƯỜNG THCS TÂN TIẾN****BÁO CÁO TỰ ÐÁNH GIÁ**HƯNG YÊN - 2021 |

PHÒNG GD&ĐT VĂN GIANG

**TRƯỜNG THCS TÂN TIẾN**

**BÁO CÁO TỰ ÐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Đào Thị Phương | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng TĐG |  |
| 2 | Đàm Thị Thu | Hiệu phó | Phó chủ tịch hội đồng TĐG |  |
| 3 | Nguyễn Thị Huyền | Phó chủ tịch công đoàn  | Trưởng nhóm thư ký |  |
| 4 | Bùi Thị Lụa | Tổ trưởng KHTN | Uỷ viên HĐ |  |
| 5 | Dương Thị Hà | Giáo viên | Uỷ viên HĐ |  |
| 6 | Lê Văn Quân | CT. Công đoàn | Uỷ viên HĐ |  |
| 7 | Trần Văn Khuyến | Giáo viên | Uỷ viên HĐ |  |
| 8 | Nguyễn Tuấn Anh | Tổ trưởng KHXH | Uỷ viên HĐ |  |

HƯNG YÊN – 2021

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
|  **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục |  |
| Danh mục các chữ viết tắt (nếu có) | [6](#danhmucchuviettat) |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | [8](#bangtonghoptudanhgia) |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | [11](#PhanICSDL) |
| 1. Số lớp | [11](#Solop_th) |
| 2. Số phòng học | [12](#Sophonghoc_th) |
| 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | [13](#Canboquanly_th) |
| 4. Học sinh | [14](#Hocsinh_th) |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | [18](#phanIItudanhgiacuanhatruong) |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | [18](#ADatVanDe) |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | [22](#BTudanhgia) |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | [22](#tdgmuc123) |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | [22](#tieuchuan1) |
| Mở đầu | [22](#modautieu_chuan1) |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | [23](#tieu_chuan1tieu_chi1) |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | [26](#tieu_chuan1tieu_chi2) |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. | [28](#tieu_chuan1tieu_chi3) |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng. | [32](#tieu_chuan1tieu_chi4) |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học. | [34](#tieu_chuan1tieu_chi5) |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản. | [37](#tieu_chuan1tieu_chi6) |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. | [40](#tieu_chuan1tieu_chi7) |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục. | [42](#tieu_chuan1tieu_chi8) |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. | [45](#tieu_chuan1tieu_chi9) |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. | [47](#tieu_chuan_1tieu_chi_10) |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | [50](#ketluantieu_chuan1) |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh | [51](#tieuchuan2) |
| Mở đầu | [52](#modautieu_chuan2) |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. | [52](#tieu_chuan2tieu_chi1) |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên. | [54](#tieu_chuan2tieu_chi2) |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên. | [58](#tieu_chuan2tieu_chi3) |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh. | [61](#tieu_chuan2tieu_chi4) |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | [63](#ketluantieu_chuan2) |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học | [64](#tieuchuan3) |
| Mở đầu | [64](#modautieu_chuan3) |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập. | [65](#tieu_chuan3tieu_chi1) |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập. | [67](#tieu_chuan3tieu_chi2) |
| Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị. | [71](#tieu_chuan3tieu_chi3) |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước. | [73](#tieu_chuan3tieu_chi4) |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị. | [76](#tieu_chuan3tieu_chi5) |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện. | [79](#tieu_chuan3tieu_chi6) |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | [82](#ketluantieu_chuan3) |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | [82](#tieuchuan4) |
| Mở đầu | [82](#modautieu_chuan4) |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh. | [83](#tieu_chuan4tieu_chi1) |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường. | [86](#tieu_chuan4tieu_chi2) |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | [89](#ketluantieu_chuan4) |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục | [90](#tieuchuan5) |
| Mở đầu | [90](#modautieu_chuan5) |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông. | [91](#tieu_chuan5tieu_chi1) |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. | [95](#tieu_chuan5tieu_chi2) |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định. | [98](#tieu_chuan5tieu_chi3) |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp. | [100](#tieu_chuan5tieu_chi4) |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh. | [102](#tieu_chuan5tieu_chi5) |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục. | [105](#tieu_chuan5tieu_chi6) |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | [109](#ketluantieu_chuan5) |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4** | 94 |
| Tiêu chí 1 | 95 |
| Tiêu chí 2 | 95 |
| Tiêu chí 3 | 96 |
| Tiêu chí 4 | 97 |
| Tiêu chí 5 | 98 |
| Tiêu chí 6 | 99 |
| *Kết luận* |  |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | [117](#ketluanchung) |

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Viết tắt** | **Chú thích** |
| 1 | BGH | Ban giám hiệu |
| 2 | Bộ GD&ĐT | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 3 | CB | Cán bộ |
| 4 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 5 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 6 | CSTĐ | Chiến sĩ thi đua |
| 7 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 8 | GDCD | Giáo dục công dân |
| 9 | GV | Giáo viên |
| 10 | GVBM | Giáo viên bộ môn |
| 11 | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 12 | GVDG | Giáo viên dạy giỏi |
| 13 | KĐCLGD | Kiểm định chất lượng giáo dục |
| 14 | KHTN | Khoa học tự nhiên |
| 15 | KHXH | Khoa học xã hội |
| 16 | LĐXS | Lao động xuất sắc |
| 17 | NV | Nhân viên |
| 18 | PGD&ĐT | Phòng giáo dục và đào tạo |
| 19 | PHHS | Phụ huynh học sinh |
| 20 | PPCT | Phân phối chương trình |
| 21 | QĐ | Quyết định |
| 22 | TDTT | Thể dục thể thao |
| 23 | THCS | Trung học cơ sở |
| 24 | TNCSHCM | Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh |
| 25 | TNTP | Thiếu niên Tiền Phong |
| 26 | TPT | Tổng phụ trách |
| 27 | TPTĐ | Tổng phụ trách đội |
| 28 | TTCM | Tổ trưởng chuyên môn |
| 29 | TV- TB | Thư viện- Thiết bị |
| 30 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 31 | UBND-HĐND | Uỷ ban nhân dân- Hội đồng nhân dân |
| 32 | PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| 33 | CB, GV, NV | Cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| 34 | HSG | Học sinh giỏi |
| 35 | CB, GV, HS, CMHS | Cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh |
| 36 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 37 | HĐSP | Hội đồng sư phạm |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

*(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)*

**1.1 Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Kết quả** |
|   | **Không đạt** | **Đạt** |
|   |   | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |   |   |   |   |
| Tiêu chí 1.1 |   | x | x |  |
| Tiêu chí 1.2 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 1.3 |   | x | x | x |
| Tiêu chí 1.4 |   | x | x | x |
| Tiêu chí 1.5 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 1.6 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 1.7 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 1.8 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 1.9 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 1.10 |   | x | x |   |
| **Tiêu chuẩn 2** |   |   |   |   |
| Tiêu chí 2.1 |   | x | x | x |
| Tiêu chí 2.2 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 2.3 |   | x | x | x |
| Tiêu chí 2.4 |   | x | x | x |
| **Tiêu chuẩn 3** |   |   |   |   |
| Tiêu chí 3.1 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 3.2 |   | x | x | x |
| Tiêu chí 3.3 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 3.4 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 3.5 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 3.6 |   | x | x |   |
| **Tiêu chuẩn 4** |   |   |   |   |
| Tiêu chí 4.1 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 4.2 |   | x | x |   |
| **Tiêu chuẩn 5** |   |   |   |   |
| Tiêu chí 5.1 |   | x | x | x |
| Tiêu chí 5.2 |   | x | x | x |
| Tiêu chí 5.3 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 5.4 |   | x | x |   |
| Tiêu chí 5.5 |   | x | x | x |
| Tiêu chí 5.6 |   | x | x | x |

**Kết quả:** Đạt mức 2.

**1.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| **Điều 22** |   |   |   |
| Khoản 1 |   | x |   |
| Khoản 2 |   | x |   |
| Khoản 3 |   | x |   |
| Khoản 4 |   | x |   |
| Khoản 5 |   | x |   |
| Khoản 6 |   | x |   |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4.

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Trung học cơ sở Tân Tiến

Tên trước đây (nếu có): Trường Trung học cơ sở Tân Tiến

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo Văn Giang

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh / thành phố | Hưng Yên |   | Họ và tên Hiệu Trưởng | Đào Thị Phương |
| Huyện / quận / thị xã / thành phố | Văn Giang |   | Điện Thoại | 0976819421 |
| Xã / phường / thị trấn | Tân Tiến |   | Fax | 0 |
| Đạt chuẩn quốc gia | 2010 |   | Website | http://c2tantienvg.hungyen.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo QĐ thành lập) | 1962 |   | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | x |   | Loại hình khác |  0 |
| Tư thục |  0 |   | Thuộc vùng khó khăn |  0 |
| Trường chuyên biệt |  0 |   | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  0 |
| Trường liên kết với nước ngoài |  0 |   |  |   |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp** | **Năm học** **2016-2017** | **Năm học** **2017-2018** | **Năm học** **2018-2019** | **Năm học** **2019-2020** | **Năm học** **2020-2021** |
| Khối lớp 6 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| Khối lớp 7 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| Khối lớp 8 | 4 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| Khối lớp 9 | 4 | 4 | 5 | 4 | 4 |
| **Cộng** | **18** | **19** | **20** | **19** | **19** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học** **2016-2017** | **Năm học** **2017-2018** | **Năm học** **2018-2019** | **Năm học** **2019-2020** | **Năm học** **2020-2021** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 25 | 26 | 29 | 28 | 29 |  |
| 1 | Phòng học | 18 | 19 | 20 | 19 | 19 |  |
| a | Phòng kiên cố | 13 | 14 | 20 | 19 | 19 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 5 | 5 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 4 | 4 | 6 | 6 | 7 |  |
| a | Phòng kiên cố | 4 | 4 | 6 | 6 | 7 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | **30** | **31** | **34** | **33** | **34** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|   | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | **Ghi chú** |
|   |   |   |   | *Chưa đạt chuẩn* | *Đạt chuẩn* | *Trên chuẩn* |   |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  |
| Giáo viên | 31 | 24 |  | 5 | 26 |  |  |
| Nhân viên | 2 | 2 |  |  | 2 |  |  |
| **Cộng** | **35** | **28** | **0** | **5** | **30** | **0** |   |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học** **2016-2017** | **Năm học** **2017-2018** | **Năm học** **2018-2019** | **Năm học** **2019-2020** | **Năm học** **2020-2021** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 41 | 39 | 38 | 34 | 31 |
| 2 | Tỉ lệ giáo viên/lớp | 2.27 | 2.05 | 1.9 | 1.78 | 1.63 |
| 3 | Tỉ lệ giáo viên/học sinh | 0.06 | 0.05 | 0.05 | 0.04 | 0.04 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 3 | 4 | 1 | 4 | 2 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| ... | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học****2016 - 2017** | **Năm học****2017 - 2018** | **Năm học****2018 - 2019** | **Năm học****2019 - 2020** | **Năm học****2020 - 2021** | **Ghi chú** |
| 1 | **Tổng số học sinh** | 683 | 718 | 770 | 768 | 805 |   |
|   |  *- Nữ* | 347 | 324 | 375 | 346 | 365 |   |
|   |  *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |
|   | *- Khối lớp 6* | 169 | 191 | 215 | 201 | 190 |   |
|   | *- Khối lớp 7* | 190 | 171 | 190 | 213 | 204 |   |
|   | *- Khối lớp 8* | 166 | 194 | 168 | 188 | 198 |   |
|   | *- Khối lớp 9* | 158 | 162 | 197 | 166 | 213 |   |
| 2 | **Tổng số tuyển mới** | 169 | 191 | 215 | 201 | 190 |  |
| 3 | **Học 2 buổi/ngày** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | **Bán trú** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | **Nội trú** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | **Bình quân số học sinh/lớp học** | 37.9 | 37.8 | 38.5 | 40.4 | 42,3 |  |
| 7 | **Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi** | 683-100% | 718-100% | 770-100% | 768-100% | 805-100% |  |
|  |  *- Nữ* | 347 | 324 | 375 | 346 | 365 |  |
|  |  *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 8 | **Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)** | 12 | 14 | 21 | 13 | 12 |  |
| 9 | **Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | **Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách** | 0 | 0 | 0 |  0 | 0 |  |
|  |  *- Nữ* | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |
|  |  - Dân tộc thiểu số | 0 | 0 | 0 | 0 |  |  |
| 11 | **Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt** | 86 | 50 | 57 | 67 | 44 |  |
| 12 | **Các số liệu khác (nếu có)** | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2016 - 2017** | **Năm học 2017 - 2018** | **Năm học 2018 - 2019** | **Năm học 2019 - 2020** | **Năm học 2020 - 2021** | **Ghi chú** |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi | 15 | 16.9 | 12.7 | 19.5 | 23.1 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại khá | 50.2 | 49.6 | 54 | 46.1 | 46,3 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu kém | 3.9 | 2.7 | 0 | 0 | 7 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 78.9 | 75.5 | 81.8 | 75.2 | 88 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 17.7 | 21 | 16.4 | 24.8 | 11 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 3.4 | 3.5 | 1.8 | 0 | 1 |  |
| Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 100 | 98.1 | 99.9 | 99.8 | 99.5 |  |
| Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS thi đỗ vào lớp 10 THPT hệ công lập hàng năm | 70% | 65 % | 73% | 67% | 66,2% |  |

**5) Các số liệu khác (nếu có)**............................................................................

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ**
2. **Đặc điểm tình hình:**

Tân Tiến là một xã thuộc vùng đồng bằng Sông Hồng, nằm ở phía Bắc huyện Văn Giang, cách trung tâm huyện 4 km. Tân Tiến với 14252 nhân khẩu và 992.28 ha diện tích tự nhiên, xã có 9 thôn: Hòa Bình Thượng, Hòa Bình Hạ, Vĩnh Lộc, Nhân Nội, Đa Ngưu, Kim Ngưu, Phượng Trì, Đa Phúc, Bá Khê và 3 ấp: ấp Kim Ngưu, ấp Đa Phúc, ấp Bá Khê.

Trường THCS Tân Tiến tiền thân là trường Phó Đức Chính được thành lập vào năm 1962 đặt tại thôn Đa Ngưu. Sau nhiều lần tách, nhập, đến năm học 1997-1998 trường có cơ sở riêng tại thôn Vĩnh Lộc, xã Tân Tiến với 10 phòng học kiên cố khu nhà A và 5 phòng học cấp 4 khu nhà C. Đến năm học 2008-2009 nhà trường được đón nhận 1 ngôi nhà 2 tầng với 8 phòng học thuộc khu nhà B hiện đại đạt tiêu chuẩn quy định (Quà tặng của Quỹ Cựu chiến binh Mỹ và tập đoàn Boeing).

Năm 2010, Trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2005-2010 và được công nhận trường đạt cấp độ II về công tác KĐCLGD vào năm 2013. Trải qua 59 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã luôn thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, có nhiều đóng góp xuất sắc trong phong trào giáo dục của huyện Văn Giang, trở thành địa chỉ tin cậy của ngành GD&ĐT Văn Giang, được các cấp lãnh đạo, nhân dân và đặc biệt là các bậc phụ huynh, học sinh trong xã tin tưởng. Nhiều năm liền, trường được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến và Tập thể lao động xuất sắc, được UBND Tỉnh tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong phong trào dạy và học. Chi bộ nhiều năm đạt danh hiệu Chi bộ trong sạch vững mạnh được Huyện ủy Văn Giang và Đảng ủy UBND xã tặng Giấy khen. Công đoàn nhà trường liên tục đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh xuất sắc được Liên đoàn lao động huyện, Liên đoàn lao động tỉnh, Công đoàn Giáo dục Việt Nam, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen. Liên đội trường là đơn vị ở tốp đầu trong phong trào hoạt động đội khối các trường THCS. Trường luôn nhận được sự quan tâm của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, UBND xã; Phòng GD&ĐT huyện Văn Giang cùng các ban ngành đoàn thể của huyện, xã, đặc biệt là sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của ban đại diện cha mẹ học sinh trên nhiều phương diện, đó cũng chính là động lực để thầy và trò nhà trường không ngừng phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành trong phong trào thi đua dạy tốt - học tốt. Từ những khó khăn, thiếu thốn ban đầu về cơ sở vật chất, đến nay trường đã có cơ sở vật chất khang trang trong một khuôn viên là 4.781 m2, có đủ các phòng học 1 ca với trang thiết bị dạy học tương đối đồng bộ, đảm bảo cho việc giảng dạy và học tập của thầy và trò. Trường THCS Tân Tiến hiện tại là trường hạng II với tổng số hơn 800 HS, 19 lớp, khối 7, 8, 9 có 5 lớp, khối 6 có 4 lớp. Trường có đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề với tổng số 35 cán bộ giáo viên, nhân viên (trong đó có 85,7% GV-CNV có trình độ đạt chuẩn (theo qui định tại điều 30 của Thông tư 32/TT-BGD-ĐT ngày 15/9/2020 có hiệu lực từ 01/11/2020), nhiều đồng chí đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện và cấp tỉnh, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Hàng năm trường có khoảng 50% - 60% học sinh có kết quả học tập đạt khá, giỏi; tỉ lệ học sinh đạt phẩm chất tốt chiếm 80% - 90 % trở lên; có từ 10-20 học sinh tham gia dự thi học sinh giỏi các cấp hàng năm đạt giải và có giải cao; 100% học sinh lớp 9 tốt nghiệp, thi đỗ vào các trường THPT hệ công lập chiếm 65% - 73%; một số năm HS của trường đạt thủ khoa, á khoa thi vào lớp 10 tại THPT Dương Quảng Hàm và THPT Văn Giang. Học sinh của trường tích cực tham gia các cuộc thi do huyện, tỉnh tổ chức và luôn dẫn ở tốp đầu. Nhà trường đã xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục trong Kiểm định chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển biến lớn về chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT giúp nhà trường sẽ xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo từng tiêu chí. Từ đó, nhà trường cam kết, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục. Chính vì vậy, từ năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

**2. Mục đích của việc tự đánh giá**

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm mục đích giúp nhà trường chủ động xem xét thấy được điểm yếu, điểm mạnh của từng tiêu chí quy định trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện tiếp theo, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục để đủ điều kiện đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ quan quản lý nhà nước.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

**3.1. Qui trình đánh giá**

Ban lãnh đạo nhà trường đã phổ biến Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các văn bản liên quan khác đến cán bộ giáo viên, phụ huynh, học sinh toàn trường. Qua đó, cán bộ giáo viên, phụ huynh và học sinh nhà trường đã có nhận thức đúng đắn về mục đích của việc tự đánh giá. Từ sự thống nhất nhận thức trên, lãnh đạo nhà trường đã triển khai việc tự đánh giá chất lượng trong toàn trường. Nhà trường đã thực hiện công tác tự đánh giá theo quy trình gồm các bước sau:

a- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

b- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

c- Thu thập, xử lí và phân tích các minh chứng.

d- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

e- Viết báo cáo tự đánh giá.

g- Công bố báo cáo tự đánh giá.

**3.2. Phương pháp đánh giá**

Đối chiếu các thông tin, minh chứng về các mặt hoạt động trong nhà trường với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, rút ra điểm mạnh, điểm yếu và biện pháp khắc phục.

**3.3. Công cụ đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá đã sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường THCS (kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường THCS) và công văn số 5932/BGD&ĐT ngày 28/12/2018 của Bộ GD &ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông làm công cụ đánh giá.

**3.4. Những điểm nổi bật trong hoạt động TĐG**

Trong quá trình triển khai tự đánh giá, đối chiếu tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường rút ra những ưu điểm sau:

Trường đã có nề nếp, kỉ cương tốt, luôn là đơn vị đứng trong tốp đầu huyện về chất lượng dạy học cũng như các hoạt động giáo dục. Công tác chỉ đạo, quản lý làm việc khoa học, hiệu quả. Phong trào thi đua trong giáo viên, học sinh diễn ra sôi nổi. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi đạt được thành tích cao. Chất lượng toàn diện đảm bảo tốt, tỉ lệ học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT dao động từ 65% - 73%, điểm bình quân luôn đứng trong tốp đầu toàn huyện. Nhà trường có đội ngũ giáo viên vững vàng, tâm huyết, nhiều đồng chí là giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Số lượng giáo viên đạt chuẩn chiếm tỉ lệ 26/31, chất lượng tương đối đồng đều, đảm bảo được yêu cầu của giáo dục trong thời kỳ mới. Hệ thống hồ sơ, sổ sách, tài liệu của nhà trường được lưu trữ tương đối đầy đủ. Hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học, thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra với chất lượng cao. Nhà trường đã nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến và tập thể Lao động xuất sắc.

Tuy nhiên nhà trường cũng phải cố gắng nhiều hơn nữa trong việc đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng dạy học để kết quả ngày càng tốt hơn. Trên cơ sở hiểu rõ như vậy, nhà trường đề ra các biện pháp cụ thể để khắc phục hạn chế, đổi mới phương pháp giảng dạy, phấn đấu tiếp tục giữ vững những thành tích nhà trường đã đạt được, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới của giáo dục, góp phần thực hiện công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu:**

Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường được thực hiện theo đúng Điều lệ trường trung học và các quy định khác do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, các hội đồng thi đua, khen thưởng, kỉ luật; hội đồng trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Các tổ chức này đều được thành lập với đầy đủ các thành phần, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều đạt chuẩn, có chứng chỉ về công tác quản lý giáo dục, bằng trung cấp lí luận chính trị,…). Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường được kiện toàn, củng cố ngày càng vững mạnh, vận hành đúng chức năng quy định. Trật tự, kỉ cương trường học được đảm bảo. Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ. Nhà trường thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, kỉ luật đối với CB, GV, NV và học sinh. Nhà trường có chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2020; 2020-2025 và tầm nhìn đến 2030 với những lộ trình, bước đi phù hợp với đặc điểm, điều kiện nguồn lực, môi trường giáo dục. Thực hiện rà soát, bổ sung chiến lược hàng năm phù hợp tình hình thực tế. Thực hiện tốt công tác quản lý hành chính. Hệ thống hồ sơ sổ sách tương đối đầy đủ, khoa học, đúng quy định. Phát động và thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành triển khai, đạt kết quả cao và ổn định trong nhiều năm. Nhà trường có các biện pháp hiệu quả để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học các môn học, công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và các hoạt động giáo dục trong và ngoài giờ lên lớp. Các nguồn lực trong và ngoài nhà trường được khai thác, phát huy tối đa hiệu quả trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt động khác. Các hoạt động hỗ trợ học tập, việc đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV và HS được thực hiện tốt. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, chuẩn hoá, nâng cao trình độ cho giáo viên, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và thực hiện quản lý hành chính theo các quy định hiện hành.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2025; chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 và kế hoạch bổ sung chiến lược phát triển từng năm. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại điều 27 của Luật giáo dục. Văn bản chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02];

Chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với Luật giáo dục và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn 2025; chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 đã được PGD &ĐT huyện Văn Giang phê duyệt [H1-1.1-02]; [H1-1.1-05].

Chiến lược phát triển được công khai trên trang website của nhà trường và trong cuộc họp hội đồng sư phạm tại thời điểm được cấp trên phê duyệt. Địa chỉ truy cập website [H1-1.1-06]; [H1-1.1-08].

Mức 2:

Hằng năm BGH nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển xem xét, rà soát, điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình thực tế, chất lượng đội ngũ, tình hình phát triển của địa phương từ đó có phương án sửa đổi, bổ sung lại chiến lược phát triển sao cho phù hợp với từng thời kỳ thông qua các báo cáo sơ kết học kì 1 và báo cáo tổng kết cuối năm học [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Vào đầu năm học của mỗi năm BGH nhà trường cùng với trưởng các bộ phận thực hiện rà soát lại chiến lược phát triển từ đó có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp với tình hình của năm học đó. Có biên bản bổ sung, điều chỉnh chiến lược hàng năm [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08].

**2. Điểm mạnh**

Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, được cấp trên phê duyệt, chiến lược rõ ràng, định hướng được lâu dài, có quy hoạch tổng thể, xây dựng phát triển không phá vỡ quy hoạch.

Hàng năm nhà trường thực hiện rà soát, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh chiến lược phù hợp với tình hình thực tiễn cho các năm học tiếp theo.

**3. Điểm yếu**

Công tác tham mưu với UBND xã Tân Tiến trong việc điều chỉnh chiến lược phát triển giáo dục chưa được thường xuyên.

Do cơ cở vật chất, trang thiết bị nhà trường thiếu thốn, năm học 2017-2018 trường học 02 ca nên việc thực hiện các nội dung trong chiến lược phát triển gặp khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiếp tục làm tốt công tác rà soát chiến lược phát triển giáo dục, nhằm điều chỉnh, có giải pháp khả thi phù hợp với thực tế của nhà trường, địa phương để nâng cao chất lượng giáo dục, uy tín, thương hiệu của nhà trường.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền qua nhiều kênh thông tin, đặc biệt là đài phát thanh của địa phương.

+ Tăng cường công tác tham mưu với UBND xã Tân Tiến về việc điều chỉnh chiến lược phát triển giáo dục hằng năm.

Người thực hiện: Ban giám hiệu.

Thời gian thực hiện: Triển khai vào năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường gồm 11 thành viên, đảm bảo cơ cấu, đúng thành phần. Chủ tịch hội đồng trường là Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng, Phó chủ tịch Hội đồng trường là Phó bí thư chi bộ - Phó hiệu trưởng và 9 thành viên còn lại gồm: Phó chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TNCSHCM, Tổng phụ trách Đội, 02 Tổ trưởng tổ KHTN và KHXH, 01 Tổ phó tổ KHXH, 01 PHHS đại diện cha mẹ học sinh và 01 học sinh đại diện cho HS toàn trường. Quyết định công nhận Hội đồng trường và kiện toàn Hội đồng trường được Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang phê duyệt (nhiệm kì 2020-2025) và UBND huyện phê duyệt (nhiệm kì 2021-2026) [H1-1.2-01].

Hội đồng thi đua- khen thưởng và kỉ luật được Hiệu trưởng đã ra Quyết định thành lập vào mỗi đầu năm học theo hướng dẫn của Thông tư số 12/2011/TT-Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-02].

Hội đồng trường có trách nhiệm xây dựng, góp ý sửa đổi, bổ sung các kế hoạch, mục tiêu, chiến lược, phương hướng phát triển của nhà trường trong việc trình duyệt các cấp có thẩm quyền. Giám sát việc thực hiện các quyết nghị, việc thực hiện các quy chế dân chủ, sử dụng tài chính và các hoạt động khác của nhà trường, từ đó xây dựng quy chế hoạt động cho cả nhiệm kì và phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên. Các hội đồng khác của nhà trường cũng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường trung học [H1-1.2-04]. Hoạt động của Hội đồng trường còn được thể hiện trong sổ nghị quyết của nhà trường và sổ nghị quyết của giáo viên [H1-1.2-05].

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác đều được tổ chức họp để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện xem đạt những ưu và hạn chế như thế nào để có biện pháp, kế hoạch thực hiện cho những thời gian sau được tốt hơn thể hiện trong sổ nghị quyết của nhà trường và sổ nghị quyết của giáo viên [H1-1.2-05].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác trong các năm học có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường được thể hiện qua Hồ sơ thi đua nhà trường [H1-1.2-06]; sổ nghị quyết Hội đồng giáo dục nhà trường và sổ nghị quyết của giáo viên [H1-1.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác của trường được cơ cấu đủ các thành phần theo hướng dẫn của các văn bản quy định, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phát huy vai trò của mỗi tổ chức, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của nhà trường.

- Nhà trường luôn thực hiện xếp lớp đúng số học sinh trên một lớp theo quy định.

- Trường được đặt tại thôn Vĩnh Lộc, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang. Đây là một địa điểm và môi trường rất thuận lợi cho các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Thành viên của Hội đồng trường hay có sự biến động về nhân sự trong hoạt động nhiệm kì do nghỉ hưu hoặc luân chuyển công tác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả mặt mạnh đã đạt được.

+ Tích cực, chủ động tham mưu với các cấp có thẩm quyền trong việc điều động, thay đổi nhân sự hợp lí hơn để bớt làm ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục nhà trường.

+ Làm tốt hơn nữa công tác lưu trữ hồ sơ, quyết định hơn.

- Người thực hiện: Hiệu trưởng.

- Thời gian: Đầu năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả cho các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Chi bộ nhà trường có 27 đảng viên chính thức, chiếm tỉ lệ 67,5% tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã Tân Tiến, là một chi bộ có số lượng đảng viên đông, các đồng chí có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt, có trình độ chuyên môn chuẩn đạt  85.7% (theo qui định của điều 30 thông tư 32/TT-BGD-ĐT ngày 15/9/2020 có hiệu lực từ 01/11/2020). Ban chi ủy chi bộ có 03 đồng chí, trong đó 02 đồng chí (Bí thư và Phó bí thư) có trình độ Trung cấp lí luận chính trị, ban chi ủy lãnh đạo chi bộ, nhà trường và các đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng và thẩm quyền quy định (được thể hiện qua Nghị quyết, biên bản đại hội chi bộ; quyết định chuẩn y công nhận ban chi ủy, Bí thư, Phó bí thư).

Công đoàn nhà trường gồm có 35 công đoàn viên, BCH công đoàn gồm 03 đồng chí (01 Chủ tịch công đoàn, 01 đại diện cho ban thanh tra  nhân dân và 01 đại diện cho ban nữ công là ủy viên); BCH công đoàn được đại hội công đoàn trường bầu ra, hoạt động theo đúng chức năng, đảm bảo tính dân chủ, quyền lợi cho người lao động, cùng với nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học được thể hiện qua: Nghị quyết, biên bản đại hội Công đoàn.

Đoàn thanh niên và đội thiếu niên: Nhà trường có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thuộc Đoàn xã Tân Tiến với số lượng 9 đoàn viên sinh hoạt thường xuyên theo sự điều hành của Bí thư chi đoàn. Nhà trường có tổ chức Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh hoạt động dưới sự chỉ đạo của Hội đồng đội huyện Văn Giang và Hội đồng đội xã Tân Tiến. Tổ chức Đội có: Nghị quyết, biên bản đại hội Liên đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05];

Chi bộ hoạt động dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ xã Tân Tiến. Chi bộ xây dựng quy chế hoạt động của cả nhiệm kì đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất trong chi bộ. Hoạt động của chi bộ đảng theo điều lệ Đảng quy định và thể hiện bằng hồ sơ hoạt động của Chi bộ Đảng. Công đoàn hoạt động dưới sự chỉ đạo, điều hành của Liên đoàn Lao động huyện Văn Giang. Công đoàn xây dựng kế hoạch hoạt động cho cả nhiệm kì (Có bổ sung chỉnh sửa hàng năm – nếu cần thiết), hoạt động của tổ chức Công đoàn theo điều lệ hoạt động của tổ chức Công đoàn Việt Nam. Đoàn TNCSHCM hoạt động theo điều lệ Đoàn và trực thuộc Đoàn xã Tân Tiến; Hoạt động của Đội theo điều lệ Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và theo sự chỉ đạo của huyện đoàn Văn Giang. Hàng năm các tổ chức đều xây dựng kế hoạch hoạt động cho cả năm và được nộp về các đơn vị trực thuộc theo quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Kết thúc năm dương lịch, mỗi năm học các tổ chức chi bộ, công đoàn, chi đoàn, đội đều thực hiện việc sơ kết, tổng kết đánh giá các hoạt động của tổ chức đó nhằm chỉ ra những việc đạt được, chưa đạt được để có kế hoạch, phương hướng cụ thể cho năm sau [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04], [H1-1.3-05].

Mức 2:

Chi bộ nhà trường có 27 đảng viên hoạt động theo đúng Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam, kế hoạch, quy định, phân công của Chi bộ. Trong 05 năm gần đây Chi bộ được Đảng bộ xã Tân Tiến đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và có đóng góp tích cực vào sự phát triển của địa phương [H1-1.3-05].

Trong 05 năm qua các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh  đều đóng góp tích cực trong hoạt động chung của nhà trường thúc đẩy sự phát triển của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-03].

Mức 3:

Trong 05 năm gần đây Chi bộ đảng liên tục được Đảng bộ xã Tân Tiến đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

Trong 05 năm qua các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên được các cấp có thẩm quyền quyết định công nhận và khen thưởng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các tổ chức và hoạt động theo đúng qui định của Điều lệ.

Việc rà soát, kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên, định kỳ. Công tác chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời đảm bảo mọi hoạt động diễn ra liên tục. Mọi người có ý thức trong việc xây dựng, góp ý, tham mưu theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trong hoạt động, các tổ chức trong nhà trường có sự thống nhất cao, mọi hoạt động của các tổ chức đều đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch đề ra của của nhà trường, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.

Các tổ chức hằng năm đều hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

**3. Điểm yếu**

Các đồng chí phụ trách công tác Đảng, Đoàn, Đội đều là kiêm nhiệm, nên trình độ chuyên môn nghiệp vụ chưa sâu, việc lưu trữ một số văn bản, minh chứng chưa thật đầy đủ. Số lượng đoàn viên thanh niên ít nên hoạt động chưa được sôi nổi, hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiếp tục duy trì và phát huy những thành tích đã đạt được, Bí thư đoàn trường và tổng phụ trách đội cần tích cực hơn nữa trong việc tự bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đoàn, Đội cho bản thân để thực hiện chức trách đạt hiệu quả tốt hơn.

+ Tăng cường phối hợp, giao lưu với các Chi đoàn khác trong và ngoài xã để hoạt động của Chi đoàn tích cực và sôi nổi hơn.

+ Tổ chức thường xuyên tập trung rà soát, đánh giá rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động theo tính chất công việc kịp thời hơn.

- Người thực hiện: Bí thư chi bộ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi đoàn, Tổng phụ trách Đội.

- Thời gian thực hiện: Năm học 2021- 2022

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.**

Mức 1:

a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường THCS Tân Tiến là trường công lập hạng II với quy mô 19 lớp. Theo Điều lệ trường trung học, nhà trường đã được kiện toàn bộ máy lãnh đạo gồm có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó hiệu trưởng [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Các tổ chuyên môn được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập và kiện toàn vào đầu mỗi năm học. Nhà trường có đầy đủ các tổ chuyên môn, tổ chuyên môn có cơ cấu tổ chức theo quy định. Có 2 tổ chuyên môn là tổ Khoa học tự nhiên và tổ Khoa học xã hội. Mỗi tổ chuyên môn gồm 01 tổ trưởng, 01 tổ phó và các thành viên có danh sách đính kèm [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Hằng năm vào đầu năm học các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động, được Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt [H1-1.4-05]. Sổ nghị quyết của tổ, sổ kiểm tra giáo án [H1-1.4-06]; [H1-1.4-10]. Cuối học kì và năm học các tổ có các báo cáo sơ kết học kỳ, tổng kết theo năm học [H1-1.4-08].

Mức 2:

Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện ít nhất từ 2 đến 4 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-08].

Cuối mỗi học kỳ, tổ chuyên môn luôn sơ kết, tổng kết, rà soát và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của tổ chuyên môn để từ đó có kế hoạch điều chỉnh sao cho phù hợp trong thời gian tới. Báo cáo sơ kết, tổng kết của các tổ [H1-1.4-07].

Mức 3:

Hai tổ chuyên môn, tổ văn phòng  hoạt động theo đúng kế hoạch đề ra, thực hiện hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường [H1-1.4-08].

Cuối năm học nhà trường có đánh giá kết quả hoạt động các tổ. Hoạt động của các tổ góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường qua báo cáo tổng kết của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-09].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường trung học. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có trình độ đạt chuẩn, giỏi chuyên môn và quản lý, năng động, tâm huyết với nghề, với trường. Tổ trưởng, tổ phó là các đồng chí có uy tín, giỏi chuyên môn, nhiệt tình, trách nhiệm, biết cách điều hành hoạt động tổ theo đúng chức năng nhiệm vụ và phân công của Ban giám hiệu. Tổ văn phòng, tổ chuyên môn có kế hoạch công tác năm học, tháng, tuần cụ thể, sát với chỉ đạo của nhà trường và thực tế của tổ. Đội ngũ giáo viên và nhân viên trẻ, khỏe, nhiệt tình, có năng lực chuyên môn vững vàng được cơ cấu hợp lý vào các tổ chuyên môn. Các CB, GV-NV của tổ chuyên môn và tổ văn phòng luôn tự giác, chấp hành sự phân công và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, nỗ lực đóng góp công sức vào thành tích chung của nhà trường. Trong 5 năm gần đây, nhà trường liên tục đạt những danh hiệu thi đua cao như: Tập thể Lao động xuất sắc, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

**3. Điểm yếu**

Một số đồng chí giáo viên, nhân viên văn phòng ứng dụng công nghệ thông tin vào đổi mới phương pháp dạy học và thực hiện nhiệm vụ của mình còn hạn chế gặp nhiều khó khăn

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Năm học 2021–2022, BGH nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được.

+ Tiếp tục đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp dạy học và cách tổ chức các hoạt động trong nhà trường. Tích cực tổ chức bồi dưỡng và phát động GV tự bồi dưỡng để nâng cao chất lượng đội ngũ trong các năm học tiếp theo

+ Có ý kiến tham mưu với các cấp trong việc bổ sung nhân viên thư viện – nhân viên chuyên trách công nghệ thông tin trong thời gian tới.

- Người thực hiện: Hiệu trưởng; Hiệu phó, Tổ trưởng.

- Thời gian thực hiện: Năm học 2021-2022

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ các phòng học cho các lớp từ khối 6 đến khối 9. Tổng số lớp toàn trường dao động từ 18 đến 20 lớp. Nhà trường có đủ hồ sơ quản lý học sinh (sổ điểm theo dõi và ghi điểm của các lớp, học bạ; phần mềm…) [H1-1.5-01]. Học sinh được theo dõi cập nhật cả khóa học thông qua sổ đăng bộ [H1-1.5-02].

Học sinh được tổ chức theo quy định của Điều 15 tại Điều lệ trường trung học và mô hình trường học mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi lớp có 01 lớp trưởng (chủ tịch hội đồng tự quản), có các lớp phó (trưởng ban), học sinh trong mỗi lớp được chia thành các tổ (nhóm) khác nhau. Mỗi nhóm gồm từ 6-10 học sinh và có 01 nhóm trưởng, các tổ hoạt động theo quy định của lớp, liên đội, trường. Mỗi lớp không quá 45 học sinh. Hoạt động của lớp đều được xây dựng, triển khai và thực hiện theo kế hoạch hằng tháng, tuần [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04]; [H1-1.5-05].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ thể hiện qua các biên bản bầu các chức vụ lớp trưởng, lớp phó, các tổ trưởng [H1-1.5-04]; [H1-1.5-06].

Mức 2:

Nhà trường hằng năm có xây dựng biên chế lớp cụ thể từ khối 6 đến khối 9 trình  Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang. Phe duyệt biên chế số lớp hằng năm được Phòng Giáo dục và Đào tạo Văn Giang phê duyệt bằng quyết định, bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ tên giáo viên, lớp trưởng, lớp phó) [H1-1.5-05].

Năm học 2020-2021 trường có 19 lớp, cụ thể khối 6 có 5 lớp với 206 học sinh, khối 7 có 05 lớp với 199 học sinh, khối 8 có 05 lớp với 214 học sinh và khối 9 có 04 lớp với 185 học sinh [H1-1.5-05]; [H1-1.5-06].

Mức 3:

Nhà trường có số lớp không vượt quá 45 lớp; số lượng học sinh trong 01 lớp học bình quân vượt quá 40 học sinh thể hiện qua sổ gọi tên và ghi điểm hằng năm [H1-1.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các khối lớp học theo quy định của Điều lệ trường trung học. Số lượng học sinh trong một lớp dao động từ 35 đến 45, tỉ lệ trung bình  không vượt quá 45 HS/lớp là điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, giáo dục học sinh cũng như tiến hành các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Diện tích các phòng học đảm bảo tốt cho hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Ban cán sự ở một số lớp hoạt động chưa thực sự hiệu quả trong các hoạt động thi đua của Liên đội trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiếp tục phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường làm tốt công tác phát triển mạng lưới trường, lớp.

+ Quản lí và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất của nhà trường, xây dựng nhà trường luôn có cảnh quan xanh- sạch- đẹp đảm bảo tốt cho hoạt động giáo dục.

+ Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực, kĩ năng điều hành cho ban cán sự lớp. Người thực hiện: Tổng phụ trách đội, giáo viên chủ nhiệm.

+ Tiếp tục tham mưu với UBND xã tiến độ mở rộng thêm diện tích cho nhà trường.

Thời gian thực hiện: Năm học 2021-2022

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách đảm bảo theo dõi các hoạt động giáo dục theo quy định. Nội dung của các hồ sơ, sổ sách được ghi chép, cập nhật thông tin theo đúng tiến độ, định kỳ. Kết thúc năm học tất cả các hồ sơ, sổ sách của nhà trường được nộp về các bộ phận chuyên môn để kiểm tra sau đó được chuyển về bộ phận văn thư đóng dấu, hoàn thiện, phân loại để lưu trữ theo quy định [H1-1.6-01].

Các khoản thu - chi trong, ngoài ngân sách nhà trường dùng để phục vụ các nhu cầu của nhà trường, học sinh đều được lập dự toán thu - chi. Các khoản thu-chi đều phải thống kê, đối chiếu, báo cáo tài chính, tài sản đúng quy định. Vào đầu năm tài chính, Kế toán nhà trường lập dự toán chi cho cả năm và được phòng tài chính huyện Văn Giang phê duyệt. Thực hiên thu, chi, quyết toán theo đúng nguyên tắc tài chính hiện hành. Hằng năm nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và công khai thông qua trước toàn thể Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm. Cuối mỗi năm học, nhà trường có đánh giá công tác tài chính thể hiện qua báo cáo tổng kết năm học [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04];[H1-1.6-05].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Thể hiện thông qua báo cáo công tác tài chính trước Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm, báo cáo Phòng giáo dục và kho bạc nhà nước huyện Văn Giang [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-07].

Mức 2:

Trường có sử dụng các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản hỗ trợ công tác kế toán, quản lý thư viện – thiết bị, quản lý học sinh, quản lý KĐCLGD, PCGD…các phần mềm này giúp thực hiện công tác  chuyên môn, quản lý nhà trường được nhanh, hiệu quả [H1-1.6-06].

Trong 5 năm liên tiếp từ năm 2017 đến 2021 nhà trường không có hiện tượng vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Biên bản, kết luận thanh kiểm tra về tài chính, hành chính của cấp trên [H1-1.6-07].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính theo thời gian ngắn hạn, trung hạn, dài hạn đảm bảo sự cân đối, phù hợp với tình hình hoạt động của nhà trường qua từng giai đoạn, thời kì [H1-1.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Có hệ thống văn bản giáo dục quản lý tài chính, lưu trữ hồ sơ chứng từ theo đúng quy định; có dự toán, báo cáo thu, chi.

Hằng năm, đều công khai quy chế chi tiêu nội bộ; công khai tài chính rõ ràng, minh bạch vào ngày Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

Nhà trường có hệ thống hồ sơ sổ sách đồng bộ, hợp lý, đúng quy định, thường xuyên kiểm tra đôn đốc và hoàn thiện đúng thời hạn theo từng năm học.

**3. Điểm yếu**

Việc bảo quản một số tài sản thiết bị còn chưa tốt, một số đồ dùng nhanh bị hư hỏng, một số bản đồ lược đồ còn ẩm mốc...

Chất lượng hồ sơ về hình thức còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiếp tục duy trì việc đảm bảo đủ hệ thống hồ sơ sổ sách. Tiếp tục thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua.

+ Tăng cường công tác bảo quản, vệ sinh các thiết bị, đồ dùng.

- Người thực hiện: Hiệu trưởng, Kế toán, Tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch Công đoàn, nhân viên thiết bị đồ dùng.

- Thời gian thực hiện: Vào đầu năm học 2021- 2022.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm BGH nhà trường triển khai, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên; 100% giáo viên và nhân viên có kế hoạch cá nhân và thực hiện bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.7-02], kế hoạch phù hợp với nhiệm vụ được giao, sát nhiệm vụ trọng tâm năm học, phù hợp với tình hình thực tế nhà trường và địa phương [H1-1.7-03].

Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hợp lý, phù hợp trình với trình độ và năng lực chuyên môn đào tạo đảm bảo hiệu quả khi thực hiện nhiệm vụ; Sổ nghị quyết Hội đồng giáo dục nhà trường [H1-1.7-01]; Quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên hàng năm [H1-1.7-04]; Hồ sơ quản lí giáo viên [H1-1.7-06].

Hằng năm, CB, GV, NV nhà trường được bảo đảm đầy đủ các quyền như quy định của Điều lệ trường trung học, Luật viên chức, quy chế dân chủ. Điều này được ghi nhận qua bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng [H1-1.7-05].

Mức 2:

BGH nhà trường luôn quan tâm, đầu tư vào chuyên môn, ưu tiên phát triển công tác chuyên môn nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Cử giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực, triển khai các chuyên đề về giáo dục học sinh, ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy, quản lý học sinh. Hằng năm, nhà trường có tỉ lệ giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp tỉnh, cấp huyện cao so với mặt bằng chung của huyện Văn Giang. Quyết định công nhận giáo viên giỏi cấp tỉnh của Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên, giáo viên giỏi cấp huyện của Phòng Giáo dục và Đào tạo Văn Giang; Kế hoạch nhà trường, quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; Hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên, báo cáo sơ kết, tổng kết, tổng kết của Công đoàn; Báo cáo tổng kết của nhà trường. Năm 2020-2021 nhà trường có thêm 02 giáo viên giỏi cấp huyện nâng số lượng giáo viên giỏi huyện là 13 giáo viên [H1-1.7-07].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện công việc trong năm học.

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho từng thành viên hợp lý theo năng lực của từng người.

Đội ngũ giáo viên giỏi cấp tỉnh, cấp huyện đứng thứ hạng cao nhất trong các trường trong huyện, đây chính là lực lượng nòng cốt trong việc đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội.

**3. Điểm yếu**

Việc phân công thời khóa biểu cho giáo viên còn chưa đáp ứng được hết nguyện vọng của giáo viên

Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy của một số giáo viên còn chưa thực sự thường xuyên, đồng bộ giữa các giáo viên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên; chú trọng bồi dưỡng ứng dụng CNTT cho GV vào dạy học để đáp ứng chuẩn ngày càng cao.

+ Tăng cường kiểm tra giám sát công tác tự bồi dưỡng của giáo viên, nhân viên.

+ Có cơ chế và định mức thi đua khen thưởng, khuyến khích sự phấn đấu của CB, GV, NV tốt hơn nhằm phát huy vai trò từng cá nhân, các đoàn thể trong nhà trường tạo sự đồng thuận, phối hợp nhịp nhàng khi thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Người thực hiện: Ban giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn, giáo viên.

- Thời gian thực hiện: Đầu mỗi năm học (hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cấp tổ, trường).

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, sát với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng trên cơ sở kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy của giáo viên theo hướng dẫn công văn của PGD theo từng năm học [H1-1.7-03]; [H1-1.1-02].

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, chất lượng. Chương trình kế hoạch dạy học được rà soát, bố trí dạy bù vào cuối kỳ một cách nghiêm túc, khoa học. Tuyệt đối không có việc cắt xén, dồn ép chương trình hoặc có những việc đưa vào kế hoạch mà không thực hiện. Nhà trường đã luôn tìm cách đổi mới, sáng tạo trong từng hoạt động để đạt được hiệu quả giáo dục một cách cao nhất. Nhiều hoạt động trải nghiệm, hoạt động câu lạc bộ, hoạt động rèn kỹ năng sống mang những màu sắc và sự sáng tạo khác nhau được thực hiện trong mỗi năm học [H1-1.7-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-04]; [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07].

Kế hoạch giáo dục được các tổ chuyên môn và nhà trường rà soát đánh giá định kỳ và điều chỉnh bổ sung kịp thời thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, họp hội đồng sư phạm nên việc thực hiện KHGD luôn đảm bảo tính phù hợp và khả thi [H1-1.1-07]; [H1-1.1-08]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục như hoạt động dạy và học, hoạt động kiểm tra đánh giá, hoạt động ngoại khoá cụ thể qua kiểm tra nội bộ, sinh hoạt chuyên môn, thực hiện chuyên đề… Với mục đích để tư vấn, thúc đẩy nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Hiệu trưởng có kế hoạch chỉ đạo, triển khai cũng như quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy thêm, học thêm theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm và Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 11/01/2017; Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 về việc Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 01 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Công văn số 592/UBND-GD&ĐT ngày 31/8/2017 của UBND huyện về việc hướng dẫn thực hiện dạy thêm, học thêm trên địa bàn huyện Văn Giang. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ dạy thêm, học thêm theo quy định của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Văn Giang. Nhà trường chỉ tiến hành dạy thêm khi có quyết định của UBND huyện Văn Giang [H1-1.8-02]; [H1-1.8-05]; [H1-1.8-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học.

Nhà trường có đủ các văn bản hướng dẫn về dạy thêm, học thêm và thực hiện đầy đủ theo quy định của ngành. Hiệu trưởng luôn có biện pháp chỉ đạo và đa dạng hóa các hình thức kiểm tra việc dạy thêm, học thêm nhằm đôn đốc và nâng cao chất lượng đại trà các môn được học thêm cho học sinh.

**3. Điểm yếu**

Kết quả một số hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp chưa được thể hiện trên hồ sơ. Cần thực hiện việc đánh giá chất lượng dạy thêm, học thêm thường xuyên hơn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

+ Tiếp tục duy trì việc thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học.

+ Kiểm tra đánh giá kết quả dạy thêm, học thêm của giáo viên và học sinh theo định kỳ 02 lần/ năm học.

+ Tăng cường lưu trữ hồ sơ của hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp cho tốt hơn.

- Người thực hiện: Ban giám hiệu, giáo viên.

- Thời gian thực hiện: Vào đầu năm học 2021-2022

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Vào tháng 9 của mỗi năm học, BGH nhà trường chuyển các văn bản liên quan về chế độ chính sách, quy chế, nội quy… của nhà trường tới các thành viên trong nhà trường xem xét và có ý kiến tham gia góp ý vào các bản dự thảo. Sau đó các bản các ý kiến sẽ được tập hợp, bổ sung, chỉnh sửa và thông qua trong hội nghị CB, CC, VC (năm học 2021-2022 gọi là hội nghị cán bộ, công chức, viên chức) vào tháng 10. Mọi giáo viên được dân chủ tham gia đóng góp ý kiến qua Hội nghị cán bộ công chức cấp tổ, cấp trường và các cuộc họp nhà trường. Quy chế dân chủ của nhà trường [H1-1.9-01]; Biên bản Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hằng năm [H1-1.9-02].

Trong 5 năm qua, từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 nhà trường không có hiện tượng khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện các quy chế dân chủ. Các ý kiến trái chiều, những kiến nghị được đưa ra trong các cuộc họp được ban lãnh đạo nhà trường trả lời, giải đáp hợp lý, đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của từng thành viên theo quy định được ghi chép đầy đủ trong sổ nghị quyết của nhà trường và trong báo cáo của Ban thanh tra nhân dân [H1-1.1-08]; [H1-1.9-03].

Hằng năm nhà trường có đánh giá việc thực hiện các quy chế trong nhà trường, trong đó có đánh giá cụ thể về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở xem có thực hiện đúng với các nội dung đã được thông qua trong hội nghị CB, CC, VC (năm học 2021-2022 gọi là hội nghị cán bộ viên chức), của cấp trên hay không. Nhà trường có hồ sơ công khai [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05].

Mức 2:

Nhà trường và Công đoàn có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Ban thanh tra nhân dân của nhà trường có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân hàng năm báo cáo kết quả trước hội đồng trường trong hội nghị hàng năm [H1-1.9-03]; [H1-1.9-05].

**2. Điểm mạnh**

Chấp hành các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định của ngành; thực hiện tốt công khai dân chủ.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của các đoàn thể để bổ sung kế hoạch thực hiện, có quy chế triển khai trong hội đồng sư phạm và hằng năm có tổng kết phong trào này.

Trong 05 năm qua không có đơn thư khiếu nại phải giải quyết.

Ban giám hiệu và Ban chấp hành Công đoàn phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

**3. Điểm yếu**

Còn một số ít cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Công tác thông tin hai chiều của một số giáo viên đối với nhà trường có lúc còn chậm trễ

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

+ BGH tăng cường các biện pháp chỉ đạo giáo viên nhà trường thực hiện tốt công tác thông tin hai chiều.

- Người thực hiện: Ban giám hiệu, Ban chấp hành công đoàn, tổ trưởng 2 tổ chuyên môn.

- Thời gian: Đầu năm học, cuối học kỳ I, cuối năm học.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch phối kết hợp với công an xã, ban đại diện CMHS trong việc xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học. BGH chỉ đạo TPT Đội xây dựng kế hoạch, phối hợp với Đoàn TNCS xã Tân Tiến trong việc bàn giao học sinh về tham gia sinh hoạt hè an toàn tại địa phương. Y tế học đường xây dựng kế hoạch, tham gia tuyên truyền dưới cờ cho học sinh bằng nhiều hình thức khác nhau để học sinh có kiến thức trong việc đảm bảo an toàn cho bản thân trong việc sử dụng an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích, các tệ nạn bạo hành gia đình, bạo lực học đường. Tháng 9/2018, 2019, 2020 nhà trưởng xây dựng kế hoạch phòng chống cháy nổ theo quy định của các cơ quan cấp trên. Thực hiện việc đón đoàn kiểm tra PCCC của công an huyện Văn Giang vào tháng 10/2019, 11/2020 có biên bản kiểm tra và thực hiện mua bổ sung thêm các vật dụng PCCC tại nhà trường. Nhà trường có xây dựng kế hoạch an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-02].

Nhà trường có hòm thư góp ý được đặt tại địa điểm thuận lợi cho việc tiếp nhận các ý kiến của học sinh, người dân; Tiếp nhận các ý kiến thông qua GVCN, qua hệ thống điện thoại của nhà trường, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, học sinh; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Hòm thư góp ý đặt tại lối đi ra vào ngay trước lối lên các phòng học hình ảnh hòm thư góp ý [H1-1.10-01].

Nhà trường làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh cho nên nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Nhà trường thành lập tổ tư vấn tâm lí để giải quyết những khúc mắc, mâu thuẫn cho học sinh, giúp các em giải tỏa tâm lí, vui vẻ, đoàn kết giúp nhau học tập [H1-1.10-04].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức tuyên truyền tới học sinh và cán bộ giáo viên nội dung về an ninh trật tự và an toàn trường học; an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực trong nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau như: tuyên truyền vào buổi chào cờ hàng tuần, phút sinh hoạt truyền thống, qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giao lưu, qua môn học GDCD, kĩ năng sống, ngoại khóa, pano, áp phích [H1-1.10-02].

Thông tin, ngăn chặn các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Xử lý, ngăn chặn, phối kết hợp với các tổ chức trong việc giải quyết kịp thời các dấu hiệu, hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường. Tuy nhiên vẫn còn một vài học sinh có dấu hiệu vi phạm nội quy trường, lớp và còn có hành vi gây gổ... [H1-1.10-04].

Nhà trường có nhà bảo vệ đặt ngay cổng trường, bảo vệ trực 24/24 để đảm để đảm bảo an ninh trật tự cho trường, xung quanh trường được xây dựng tường cao có rào chắn để ngăn chặn việc đột nhập của người ngoài vào trường. Trường lắp đặt hệ thống camera an ninh tại cổng trường và các phòng học [H1-1.10-03].             .

**2. Điểm mạnh**

Hàng năm nhà trường đã tổ chức tuyên truyền cho CBGV, học sinh và phụ huynh học sinh thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ về đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, rèn luyện các kỹ năng sống cho học sinh. Kết hợp với các tổ chức trong nhà trường, công an xã nhằm đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực nhà trường.

Tập thể CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường có tinh thần trách nhiệm và có ý thức trong việc tham gia bảo vệ an ninh trật tự trong trường học, tố giác những học sinh có hành vi bạo lực học đường.

**3. Điểm yếu**

Do vị trí của trường đặt ở trung tâm xã, có nhiều quán internet nên còn một số học sinh còn hay chơi điện tử; một số học sinh chưa tự giác đội mũ bảo hiểm khi tham gia đi xe đạp điện.

Hoạt động của đội thanh niên tình nguyện chưa thật hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, chính quyền địa phương để đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, đảm bảo an ninh trật tự.

+ Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các tổ chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm lớp làm tốt công tác tuyên truyền, tập huấn cho học sinh cách phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội.

- Người thực hiện: Phó hiệu trưởng, Tổng phụ trách đội, giáo viên chủ nhiệm, tổ trưởng.

- Thời gian thực hiện: Năm học 2021- 2022.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường được thực hiện theo đúng Điều lệ trường trung học và các quy định khác do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, các hội đồng thi đua, khen thưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Các tổ chức này đều được thành lập với đầy đủ các thành phần, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chi bộ Đảng với 27 đảng viên chiếm 67,5% số CBGV, là một tổ chức luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhiều năm. Các đoàn thể trong nhà trường hoạt động tích cực, theo đúng chức năng nhiệm vụ. Hiệu trưởng có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy, học tập các môn học và các hoạt động giáo dục khác trong thời gian chính khoá, hoạt động dạy bồi dưỡng cho học sinh tất cả các khối, đặc biệt là các đội tuyển HSG khối 9. Các nội dung quản lý hành chính, quản lý tài chính - tài sản - cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn trường học… được quan tâm toàn diện, đạt kết quả tốt, hỗ trợ tích cực cho việc nâng cao chất lượng dạy học. Các cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai hiệu quả, sâu rộng trong CBGV, HS, CMHS và các lực lượng xã hội ở địa phương. Đặc biệt là phong trào thi đua “Hai tốt” đạt được kết quả cao trong nhiều năm đã tạo nên uy tín, thương hiệu của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, chuẩn hoá, nâng cao trình độ cho giáo viên; 85,7% giáo viên trong trường đạt chuẩn và trên chuẩn (theo quy định Điều 30 thông tư 32/2020/TT- BGD ĐT ngày 15/9/2020 có hiệu lực từ 01/11/2020). Nhà trường thực hiện tốt công tác khen thưởng, kỉ luật đối với CB, GV, NV và học sinh. Bên cạnh đó vẫn còn một số điểm tồn tại như: Hội đồng tư vấn đã được thành lập nhưng hoạt động chưa hiệu quả. Tình hình tài chính còn hạn hẹp nên việc đầu tư cho khen thưởng cho CB, GV, NV và học sinh cũng như tổ chức một số các hoạt động giáo dục khác còn hạn chế.

**+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10**

**+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 10, MĐ2: 10, MĐ3: 2)**

**+ Số tiêu chí không đạt: 0**

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đầu:**

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường đã có nhiều cố gắng, nỗ lực phấn đấu vươn lên, đạt các tiêu chuẩn cần thiết theo quy định trong Điều lệ trường trung học và các quy định khác của Bộ GD&ĐT. Đây là nhân tố cơ bản, quyết định chất lượng giáo dục và sự phát triển của nhà trường.

**Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng**

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trường THCS Tân Tiến đều đạt tiêu chuẩn theo quy định [H2-2.1-07].

Hằng năm, đồng chí Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng trường THCS Tân Tiến được đánh giá đều đạt loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục theo quy định. Đồng chí Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều có bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ tin học, quản lý nhà nước [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

Mức 2:

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-202, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng trường THCS Tân Tiến luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được nhận giấy khen của Chủ tịch UBND huyện, bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; CSTĐ nhiều năm học [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp từ 2016 đến nay, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng trường THCS Tân Tiến luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ quản lí  của trường THCS Tân Tiến có năng lực chuyên môn được đào tạo đạt loại giỏi, nghiệp vụ quản lý tốt, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Hoạt động của nhà trường ổn định, có kỉ cương nền nếp, các hoạt động giáo dục và dạy học luôn được đổi mới và đạt hiệu quả cao trong các năm học. Cả đồng chí Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhiều năm được công nhận Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được UBND huyện, UBND tỉnh tặng Giấy khen và Bằng khen. Đội ngũ cán bộ quản lý đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn. Hàng năm được cấp trên đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Hiệu phó từ mức khá trở lên, có bằng trung cấp lí luận chính trị và chứng chỉ quản lí giáo dục.

**3. Điểm yếu**

CBQL còn hạn chế về trình độ Ngoại ngữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp cần thực hiện:

+ Tiếp tục thực hiện công tác tập huấn, tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý nhà trường.

+ Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công chỉ đạo hướng dẫn giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ để nâng cao chất lượng giáo dục.

+ Tích cực, chủ động học tập để nâng cao trình độ ngoại ngữ.

- Người thực hiện: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.

- Thời gian thực hiện: Đầu năm học 2021 -2022.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ giáo viên đứng lớp (kể cả GV hợp đồng công việc) đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu giáo viên để dạy tất cả các môn học bắt buộc theo Thông tư số 16/2017/TT- BGD&ĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Giáo viên đa số đều được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo [H2-2.2-02]; [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04]; [H1-1.7-04].

Từ  năm 2016 đến tháng 6/2020 nhà trường có 100% CB, GV có trình độ đạt chuẩn, trong đó trên 70% GV có trình độ trên chuẩn  theo quy định; từ  tháng 7 năm 2020 đến nay nhà trường có 85,7% CB, GV, NV đạt trình độ chuẩn; 14,3% (5 GV có trình độ Cao đẳng) chưa đạt chuẩn (theo qui định Điều 30 của Thông tư 32/TT-BGD-ĐT ngày 15/9/2020 có hiệu lực từ 01/11/2020) [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

Vào cuối mỗi năm học, BGH nhà trường tổ chức họp HĐSP phổ biến các văn bản hướng dẫn đánh giá giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên cơ sở đó giáo viên, tổ chuyên môn, nhà trường thực hiện đánh giá theo đúng Thông tư 20/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018. Kết quả 100% giáo viên được đánh giá ở mức đạt trở lên. Thông qua kết quả đánh giá, GV thấy rõ những ưu điểm, hạn chế, từ đó đề ra biện pháp khắc phục trong những năm tiếp theo [H2-2.2-04].

Mức 2:

Trong mỗi năm từ năm 2016 đến 2021 nhà trường đều có 01 đến 02 giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn (học Đại học) làm tăng tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đảm bảo theo yêu cầu, lộ trình xây dựng trường chuẩn. Ngoài ra hằng năm giáo viên còn được tham gia các lớp bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ, về đổi mới phương pháp và kĩ thuật dạy học [H2-2.2-02]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-07].

Đội ngũ giáo viên của nhà trường luôn nỗ lực phấn đấu, nhiệt tình, trách nhiệm có nhiều sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy học nên trong những năm qua nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 80% giáo viên của trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H2-2.2-04].

Do yêu cầu đổi mới trong công tác giảng dạy (định hướng phát triển năng lực) cho học sinh nên việc định hướng, phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh được BGH nhà trường quan tâm, chú trọng. BGH cùng các giáo viên chủ nhiệm, GVBM và các giáo viên khác có nhiệm vụ hướng dẫn học sinh trong việc định hướng, lựa chọn trường, nghề nghiệp khi học sinh đang học lớp 8 và chuẩn bị tốt nghiệp, sau khi tốt nghiệp lớp 9. Vào đầu tháng 5 hàng năm BGH nhà trường tạo điều kiện cho các trường dân lập, trường nghề vào tuyên truyền cho học sinh nắm bắt được các thông tin tuyển sinh, chế độ, ngành nghề để học sinh có định hướng nghề nghiệp, học tập sau khi tốt nghiệp lớp 9. Trong năm học 2018-2019 nhà trường có tổ chức hoạt động học tập, trải nghiệm tại khu di tích K9 - Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam, thăm đền Hùng. Trong năm học 2019-2020 nhà trường có tổ chức hoạt động học tập, trải nghiệm tại đền thờ Chu Văn An - Hải Dương và Công viên Rồng – Quảng Ninh. Giáo viên nhà trường không ngừng phấn đấu, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm qua nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật [H2-2.2-08]; [H1-1.2-06]; [H5-5.4-05]; [H5-5.4-04].

Mức 3:

Giáo viên nhà trường luôn có ý thức tự học, trau dồi kiến thức, không ngừng học tập, phấn đấu nhiệt tình, trách nhiệm có nhiều sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy và học hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Từ năm học 2019- 2020 có 30/40 giáo viên đạt 75% đủ điều kiện đánh giá theo chuẩn trong đó loại khá đạt 87,5%, loại đạt là 12,5%, năm học 2020-2021 có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá [H2-2.2-04].

Từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021 nhà trường luôn có giáo viên viết đề tài, sáng kiến kinh nghiệm được cấp trường, Phòng, cấp Sở, cấp tỉnh đánh giá đạt yêu cầu [H2-2.2-09].

**2. Điểm mạnh**

Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và cơ cấu đảm bảo theo đúng quy định. 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn tính đến thời điểm trước tháng 3 năm 2020. Tập thể giáo viên đoàn kết nhiệt tình, có trình độ chuyên môn vững vàng yêu nghề có trách nhiệm cao trong công việc.

Hằng năm 100% giáo viên được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên loại đạt, trong đó tỉ lệ xếp loại khá ở mức cao.

**3. Điểm yếu**

- Còn có hiện tượng thừa thiếu giáo viên cục bộ giữa các bộ môn và thiếu giáo viên theo quy định.

- Trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin của một số giáo viên còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp cần thực hiện:

Tích cực bồi dưỡng đội ngũ giáo viên thường xuyên. Tham mưu với các cấp lãnh đạo bổ sung thêm giáo viên đào tạo đúng chuyên môn. Tạo điều kiện tốt hơn cho giáo viên nghiên cứu khoa học để hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi nghiên cứu KHKT đạt hiệu quả tốt hơn.

- Người thực hiện: BGH, Giáo viên

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2021 – 2022.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có nhân viên làm công tác Văn thư, Thủ quỹ, Kế toán, Thiết bị thí nghiệm theo Thông tư số 35/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 23/8/2006 về định mức biên chế viên chức ở cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định hiện hành khác [H2-2.3-01].

Nhân viên Kế toán, Văn thư, viên chức làm công tác thiết bị dạy học có trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn, các nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-04]; [H2-2.3-01]; [H2-2.3-03].

Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định pháp luật [H2-2.3-02].

Trong các  năm học từ 2016–2017 đến năm học 2020-2021 nhà trường có số lượng từ 03 đến 04 nhân viên, cơ cấu nhân viên đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ hành chính, tổ chức các hoạt động giáo dục và đảm nhiệm được nhiệm  vụ do Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phân công [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

Hằng năm nhân viên nhà trường được phân công công việc cụ thể phù hợp, với trình độ chuyên môn và năng lực của mỗi người. Nhà trường luôn quan tâm đến quyền lợi của từng nhân viên, các nhân viên luôn được đảm bảo theo chế độ chính sách theo qui định hiện hành [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

Vào cuối học kỳ 1 và cuối mỗi năm học các nhân viên trong tổ văn phòng được đánh giá theo văn bản hướng dẫn hiện hành và theo quy định của nhà trường. Các thành viên trong tổ đều được đánh giá ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-04].

Mức 2:

Về số lượng nhân viên chưa đáp ứng, chưa có nhân viên phụ trách thư viện, vì vậy công tác thư viện – thiết bị có sự luân chuyển, thay thế nên các thành viên trong tổ phải kiêm nhiệm thêm công tác này nên có nhiều lúc cũng gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ. Từ tháng 8 năm 2020 Kế toán nhà trường nghỉ hưu theo chế độ, nhà trường có kế toán kiêm nhiệm theo sự phân công của UBND huyện, nên tiến độ hoàn công việc của kế toán còn chậm [H2-2.3-02]; [H1-1.7-04].

Trong những năm qua nhân viên nhà trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật dưới mọi hình thức [H2-2.3-04].

Mức 3:

Đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đảm bảo được yêu cầu của vị trí việc làm cụ thể: Kế toán có bằng Cao đẳng, Văn thư – Thủ quỹ có bằng trung cấp, nhân viên thư viện – thiết bị có bằng cao đẳng phù hợp với vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cấp [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

Trong các năm học liên tiếp từ 2016-2017 đến năm học 2020-2021 nhân viên hành chính được BGH nhà trường quan tâm, tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn do cấp trên tổ chức.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đảm bảo cho các hoạt động hành chính.

Nhân viên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, nhiệt tình, đoàn kết tự giác hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo đầy đủ kịp thời các chính sách chế độ cho cán bộ viên chức trong nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên quản lý thư viện, y tế chưa được đào tạo đúng chuyên môn, làm việc với tính chất kiêm nhiệm nên hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện

+ Tăng cường tự học, tự bồi dưỡng học hỏi kinh nghiệm nâng cao chuyên môn nghiệp đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm.

- Người thực hiện: Nhân viên văn phòng, HT.

- Thời gian thực hiện: Trong năm học 2021 - 2022.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.**

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

100% học sinh theo học tại trường đảm bảo theo đúng độ tuổi quy định, tuổi của học sinh lớp 6 là 11 tuổi, ở các khối không có trường hợp học sinh bị lưu ban quá 3 năm trong quá trình theo học tại nhà trường. Tất cả các số liệu được thể hiện ở biên bản bàn giao học sinh, danh sách học sinh hoàn chương trình tiểu học, danh sách tuyển sinh lớp 6, hệ thống sổ điểm cái, danh sách HS trên phần mềm hằng năm của nhà trường [H2-2.4-01]; [H1-1.5-01].

Học sinh của trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm theo điều 38, 41 Điều lệ trường trung học và các quy định khác của nhà trường [H2-2.4-02].

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39, Điều lệ trường Trung học và các quy định khác của pháp luật. Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, bảo hiểm y tế, Bảo Việt, miễn giảm các khoản đóng góp đối với con em các gia đình chính sách theo quy định. Ngoài ra, nhà trường còn thường xuyên phối hợp với hội CMHS, hội chữ thập đỏ, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Đội TN TPHCM và kêu gọi nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm để động viên các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh giỏi [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03].

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực về nhận thức, hành động tương đối tốt [H2-2.4-03].

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

Hằng năm chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường được giữ vững và dần được nâng lên. Tỉ lệ học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi từ 15%- 23,1%, tỉ lệ học sinh đạt danh hiệu học sinh tiên tiến từ 46,1% - 50,2%. Tỉ lệ học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh được giữ vững và ổn định được thể hiện thông qua danh sách học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Phẩm chất và năng lực xếp loại tốt tăng, loại đạt giảm. Học sinh tích cực tham gia các hoạt động giáo dục có tính chất nhân văn do các cấp phát động, góp phần quan trọng trong việc  nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường [H2-2.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, học sinh được tuyển vào lớp 6 của trường đúng độ tuổi. Đa số học sinh chăm ngoan, tích cực học tập, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh. Trường không có học sinh vi phạm pháp luật và mắc các tệ nạn xã hội. Học sinh trong nhà trường thực hiện tốt các điều 38, 39, 41 của Điều lệ trường trung học. Nhà trường luôn đảm bảo các quyền lợi cho học sinh theo đúng quy định mà học sinh được hưởng.

**3. Điểm yếu**

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa được thường xuyên (vì một số phụ huynh đi làm ăn ở xa), việc liên lạc còn gặp khó khăn nên vẫn còn số ít học sinh ở một số lớp chưa chăm, chưa ngoan và chưa  thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục về nhiệm vụ, hành vi đạo đức và những điều học sinh không được làm; dạy kĩ năng sống cho HS toàn trường.

+ Phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường đặc biệt là Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp để giúp học sinh thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường.

+ Tổ chức chuyên đề về công tác giáo dục HS cấp trường, liên trường để giao lưu chia sẻ kinh nghiệm tìm ra những giải pháp hữu hiệu trong công tác giáo dục học sinh cá biệt.

+ Đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí 01 biên chế làm nhiệm vụ công tác xã hội trong nhà trường.

- Người thực hiện: Nhà trường, Giáo viên chủ nhiệm, Giáo viên bộ môn, Tổng phụ trách Đội, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Thời gian thực hiện: Trong năm học 2021 – 2022

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

Tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là một tập thể sư phạm đoàn kết, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt. BGH đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, quản lý và chính trị. Đó là nền tảng cho công tác quản lý của nhà trường ngày càng hiệu quả. Đội ngũ GV của nhà trường có nhiều đồng chí là GVG cấp tỉnh, cấp huyện, cấp trường, có nhiều sáng kiến được các cấp công nhận. Nhiều thầy, cô là CSTĐ các cấp nhiều năm học. Công tác học tập, bồi dưỡng, dự giờ, hội giảng ngày càng được tổ chức tốt, có hiệu quả trong công tác nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường luôn quan tâm động viên GV, NV kịp thời, đúng lúc tạo tâm lý phấn khởi, yên tâm công tác và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tập thể sư phạm nhà trường là một tổ chức thống nhất, biết chia sẻ, học hỏi, mỗi cá nhân đều coi trường học là mái nhà chung của mọi người để cùng vun đắp xây dựng nhà trường thành đơn vị vững mạnh, có thương hiệu riêng. Nhà trường luôn có mối quan hệ tốt với toàn thể PHHS, với các ban ngành, đoàn thể. Đại đa số học sinh trong trường luôn thực hiện tốt các quy định của trường và các em được đảm bảo học tập trong một môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn và thân thiện. Bên cạnh đó nhà trường bị thiếu giáo viên theo quy định và thừa thiếu giáo viên cục bộ ở các bộ môn.

**+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4**

**+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 4, MĐ2: 4, MĐ3: 3)**

**+ Số tiêu chí không đạt: 0**

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Với sự tham mưu hiệu quả của Ban giám hiệu, sự quan tâm của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Văn Giang và UBND xã Tân Tiến, Phòng GD&ĐT Văn Giang, nhà trường có khuôn viên riêng biệt, khang trang, có đầy đủ biển trường, cổng trường và xây dựng được môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn. Nhà trường có đủ hệ thống phòng học, phòng bộ môn, khu hành chính quản trị phục vụ cho dạy và học rộng rãi, tất cả đều kiên cố cao tầng. Các phòng học và làm việc đều đảm bảo trang thiết bị.... Thư viện nhà trường đã được tu sửa, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của CB, GV, NV và học sinh. Nhà trường cơ bản đảm bảo thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học và quản lý theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trường đã có phòng y tế và trang thiết bị tối thiểu đảm bảo cho việc sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho giáo viên và học sinh. Hệ thống khu để xe, khu vệ sinh, sân chơi, bãi tập đầy đủ. Tất cả các điều đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho các thầy cô giáo trong giảng dạy, giúp các em học sinh có điều kiện học tập tốt, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

**Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Tổng diện tích toàn trường là 4781 m2, chưa đảm bảo diện tích tối thiểu quy định đối với trường đạt chuẩn Quốc gia. Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, luôn đảm bảo các yêu cầu về sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01];

Trường có cổng, biển tên trường, tường rào bao quanh theo đúng quy định đảm bảo an toàn và thẩm mĩ [H3-3.1-01];

Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 1.064,5 m2,  có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường bố trí 2 sân cầu lông, 01 sân bóng đá cho học sinh toàn trường tập luyện, chơi thể thao [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. Về diện tích sân chơi, bãi tập bằng 22,3% tổng diện tích sử dụng của trường, có sân chơi bê tông sạch sẽ, bãi tập đủ rộng để thực hiện các bài học trong chương trình và tổ chức các hoạt động ngoại khóa thể dục, thể thao. Nhà trường bố trí 2 sân cầu lông, 01 sân bóng đá cho học sinh toàn trường tập luyện, chơi thể thao [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Trường THCS Tân Tiến có diện tích 4781m2, bình quân xấp xỉ 6m2/học sinh. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích bằng 22,3% tổng diện tích sử dụng của trường, được tách riêng biệt với khu học các môn văn hóa bằng tuyến đường Thanh Niên của xã [H3-3.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường được xây dựng trên khuôn viên riêng biệt có tường bao quanh. Diện tích sân chơi của nhà trường rộng rãi, khuôn viên trường thoáng mát.

Nhà trường có hệ thống cổng, tường bao bảo đảm an ninh trường học.

Nhà trường đã cho xây dựng lại hệ thống bồn hoa, cắt tỉa cây xanh, trồng thêm các loại cây hoa quanh bồn cây tạo môi trường xanh - sạch - đẹp cho học sinh.

**3. Điểm yếu**

Khuôn viên trường chưa đảm bảo diện tích theo qui định; Sân vận động không nằm liền kề khuôn viên trường học, nên việc học các tiết thể dục phải đi sang đường chưa thật sự an toàn cho HS.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Tiết kiệm kinh phí từ ngân sách để mua sắm thêm một số thiết bị TDTT ngoài bãi tập; làm thêm sân bóng bàn, cầu lông cho HS tập luyện.

+ Tham mưu với Đảng ủy-HĐND, xã đẩy nhanh tiến độ mở rộng khuôn viên trường học để đảm bảo diện tích tối thiểu (10m2/HS) theo quy định đối thiểu với trường đạt chuẩn Quốc gia tại vùng nông thôn.

- Người thực hiện: BGH - GV thể dục - Kế toán.

- Thời gian thực hiện: Năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.**

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

- Khối phòng học tập:

+ Phòng học: Toàn trường có 19 phòng học văn hóa, mỗi phòng có diện tích 60m2, đảm bảo: 01 phòng/lớp học; 20-25 bộ bàn ghế/lớp học có kích thước phù hợp với học sinh THCS và 01 bộ bàn ghế cho giáo viên; có 01 bảng chống lóa kích thước 3m50 x 1m20; có 04 hoặc 06 quạt trần và 01 quạt treo tường cho giáo viên. Mỗi phòng có 01camera giám sát, 01 máy chiếu đa năng, 01 màn chiếu, 01 loa hỗ trợ giảng dạy, 01 hộp điều khiển mạch điện có aptomat ngắt an toàn, với 10 đến 12 bóng điện huỳnh quang thắp sáng đảm bảo ánh sáng học tập cho học sinh. Phòng có 04 cửa sổ xung quanh và 02 cửa chính đảm bảo sự thoáng mát và ánh sáng [H3-3.2-01].

+ Phòng Tin học: Nhà trường có 01 phòng Tin học với 20 bộ máy vi tính đặt trên 20 bàn học tập và có 40 đến 45 vị trí ngồi học, được kết nối mạng đáp ứng cho việc học tập bộ môn.

+ Phòng học Ngoại ngữ (Tiếng Anh): có đầy đủ phương tiện phục vụ cho hoạt động dạy và học (bàn ghế, 01 máy chiếu đa năng, bảng từ tương tác; 01 máy vi tính, 01 máy in có kết nối mạng internet, hệ thống loa âm thanh, ánh sáng, quạt...)

+ Phòng Âm nhạc, Mĩ thuật: có 01 phòng được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu đa năng, máy tính có kết nối mạng…và các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho hoạt động dạy và học bộ môn.

+ Phòng bộ môn KHTN: 01 phòng Hóa học, 01 phòng Sinh học, 01 phòng Vật lý - Công Nghệ, mỗi phòng được trang bị 01 tủ lớn đựng thiết bị đồ dùng, thiết bị dạy học bộ môn; có 06 bộ bàn nhóm, mỗi bàn nhóm có từ 6 đến 8 ghế học sinh phù hợp với đặc thù từng môn học. Các phòng chức năng có đầy đủ các thiết bị thuộc bộ môn đảm bảo tiết học, môn học theo yêu cầu. Có bảng nội quy, sổ nhật kí hoạt động, sổ đăng kí mượn, trả đồ dùng dạy học. Hàng năm, nhà trường tổ chức kiểm kê, rà soát các loại thiết bị đồ dùng dạy học bị hỏng, cần sửa chữa, cần thay thế. Có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng dạy học.

+ Phòng đa chức năng: có 01 phòng được trang bị đủ 20 bộ bàn ghế, 01 máy chiếu đa năng, bảng từ tương tác, 01 máy vi tính, 01 máy in có kết nối mạng internet, hệ thống loa âm thanh, ánh sáng, quạt…[H3-3.2-02].

- Khối phòng hỗ trợ học tập:

+ Thư viện: 01 phòng với diện tích 45m2 trong đó chia làm 2 khoảng không gian. Khoảng không gian thứ nhất là phòng đọc gần 20m2 được kê xếp 2 dãy bàn ghế nhằm đảm bảo công tác đọc, tìm tòi, nghiên cứu của học sinh và cán bộ giáo viên. Khoảng không gian thứ hai có đủ sách báo, máy tính kết nối mạng đảm bảo công tác nghiên cứu, tra tìm tài liệu của giáo viên và học sinh. Thư viện có nội quy và có đầy đủ các danh mục sách báo tài liệu, hồ sơ theo quy định. Nhà trường đã sử dụng phần mềm VEMIS trong quản lý Thư viện, đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý.

+ Phòng Thiết bị giáo dục: 01 phòng với  diện tích 30m2 có đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.

+ Phòng truyền thống: 01 phòng có diện tích 54m2, có 01 tranh 3D thể hiện toàn cảnh khuôn viên trường học, 04 khung ảnh lớn lưu ảnh chân dung các thế hệ nhà giáo, hình ảnh hoạt động của các tổ chức: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên các năm học của nhà trường. Ngoài ra còn có ảnh chụp bên trong và bên ngoài phòng Đội, Thư viện.....

+ Phòng đội Thiếu niên: Kết hợp với phòng truyền thống được trang bị đủ các thiết bị phục vụ hoạt động của Liên đội.

Khối phụ trợ

+ Phòng họp: 01 phòng có diện tích 45m2, đủ phương tiện phục vụ cho hội họp 45 người.

+ Phòng y tế: 01 phòng có diện tích 20m2, có 01 giường Inox, 01 tủ thuốc, 01cân điện tử, nhiệt kế và 1 số loại thuốc, vật tư y tế phục vụ cho việc sơ cứu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CB, GV, NV và học sinh, có đủ hồ sơ y tế theo qui định.

+ Khu để xe của học sinh: có mái che, diện tích đủ để học sinh để xe, được bố trí hớp lí trong khuôn viên của nhà trường.

+ Nhà vệ sinh của học sinh: có 01 khu nhà với tổng diện tích 50m2, chia làm 2 gian có vách ngăn: 01 khoang dành cho khu vệ sinh nam; 01 khoang là khu vệ sinh nữ có đủ chậu rửa, dung dịch sát khuẩn, hệ thống nước sạch đảm bảo, được bố trí hợp lí, thuận tiện cho sử dụng và không làm ảnh hưởng đến môi trường [H3-3.3-02]; [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Mức 2:

Các phòng học, phòng bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định. Các phòng học khu nhà B và C có diện tích 54m2/phòng. Các phòng khu nhà A có diện tích khoảng 45m2/phòng. Mỗi phòng có đầy đủ bàn, ghế, bảng, máy chiếu, màn chiếu theo quy định và camera giám sát. Hệ thống trang thiết bị này được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ rất hiệu quả các hoạt động dạy và học của nhà trường [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02];

Nhà trường có các phòng khối phục vụ học tâp gồm các phòng chức năng sau: Thư viện, phòng hoạt động Công đoàn, Đoàn - Đội, phòng đồ dùng chuẩn bị đồ dùng giảng dạy đảm bảo đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng thuộc khối phòng học tập, Khối phòng hỗ trợ học tập, Khối phụ trợ đủ các thiết bị dạy học theo quy định đã mô tả trên để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh đạt hiệu quả [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Trường được xây dựng kiên cố thuận tiện cho việc học tập của học sinh. Nhà trường có phòng học khang trang, thoáng mát, có đủ điều kiện ánh sáng, có đủ bàn ghế cho giáo viên và học sinh.

Việc quản lý, sử dụng các khối phòng nói trên được thực hiện có hiệu quả và theo các quy định hiện hành.

Khối phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một số phòng học môn của nhà trường trang thiết bị còn chưa thật đầy đủ và xuống cấp. Hiện nay, nhà trường còn phải ghép chung (phòng bộ môn Lý – Công nghệ, phòng công đoàn và y tế) nên còn bất tiện trong sử dụng. Số máy tính ở phòng tin học cấu hình thấp, cũ nên hiệu quả sử dụng còn hạn chế. Nhà xe của GV đã xuống cấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ BGH tham mưu với các cấp lãnh đạo để có kế hoạch mua sắm thêm trang thiết bị, tu sửa thêm cho các phòng học bộ môn còn thiếu.

+ BGH đề nghị với Đảng ủy - HĐND, UBND xã trong việc sửa chữa một số hạng mục của trường đã bị hỏng, xuống cấp như: nền lớp học, tường lớp học, trần lớp học..., xây mới phòng học bộ môn, phòng chức năng đủ để đảm bảo việc dạy và học cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

- Người thực hiện: Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch.

- Thời gian thực hiện: Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.**

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Khối phòng hành chính quản trị: Nhà trường có 06 phòng (phòng HT-01; PHT-01; Văn phòng – 02 (phòng văn thư, phòng kế toán); Bảo vệ - 01; Khu nhà vệ sinh của GV-01; khu nhà để xe GV-01); các phòng này có đầy đủ máy móc, bàn ghế, phương tiện phục vụ cho làm việc của các bộ phận theo qui định hiện hành của thông tư 13/2020/TT-BGD &ĐT ngày 26/05/2020 có hiệu lực từ 11/7/2020 [H3-3.3-01].

Nhà trường có khu để xe của giáo viên và học sinh riêng biệt trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự và vệ sinh. Nhà xe có mái che mưa nắng nên xe được bảo quản tốt [H3-3.3-02].

Nhà trường thường xuyên tu bổ, sửa chữa, bổ sung khối hành chính - quản trị đảm bảo mọi hoạt động của nhà trường, BGH nhà trường giao cho các cá nhân phụ trách các phòng, ban  thuộc khu hành chính - quản trị quản lý, lập dự toán, kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung  và thay thế các dụng cụ, thiết bị hỏng hóc đảm bảo tiến độ làm việc và công việc chuyên môn [H3-3.3-04].

Mức 2:

Khu vực hành chính - quản trị được xây dựng ra một khu riêng biệt đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên và nhân viên. Khu hành chính được bố trí dưới tầng 1 đảm bảo công tác trao đổi thông tin giữa nhà trường - học sinh - người dân - các tổ chức chính trị được thuận lợi [H3-3.3-03]; [H3-3.3-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ các thiết bị như máy tính kết nối mạng, máy in, bàn, ghế, tủ đựng hồ sơ... để đảm bảo công tác chuyên môn và hỗ trợ các hoạt động của nhà trường không bị gián đoạn và hiệu quả [H3-3.3-01]; [H3-3.3-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các phòng khối hành chính - quản trị đảm bảo, đúng theo quy định. Phòng làm việc, các trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, làm việc hành chính, công tác dạy và học được quan tâm tạo mọi điều kiện để đạt kết quả cao.

**3. Điểm yếu**

Một số máy in, máy tính của phòng hành chính đã cũ, cấu hình thấp đã xuống cấp ảnh hưởng đến tiến độ công việc phục vụ chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ Mua sắm, bổ sung, sửa chữa, thay thế các máy tính đã xuống cấp, hư hỏng nặng.

+ Người thực hiện: Ban giám hiệu, Kế toán.

+ Biện pháp thực hiện: Ngân sách tiết kiệm chi của nhà trường, đề xuất cấp trên cấp bổ sung các thiết bị trong danh mục mua sắm tài sản chung.

+ Thời gian thực hiện:  Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Công trình vệ sinh của nhà trường được chia làm hai khu riêng biệt: Một khu dành cho giáo viên và một khu dành cho học sinh. Khu vệ sinh của học sinh có chia ra bên nam và nữ riêng biệt với diện tích khoảng 40m2 được bố trí xây dựng các bệt vệ sinh tự hoại và các khu đi tiểu sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn trường học. Nhà vệ sinh giáo viên có 02 phòng nam, nữ riêng biệt có diện tích khoảng 25m2 và đều có đầy đủ các thiết bị vệ sinh (bệt vệ sinh, chậu rửa, gương….) các nhà vệ sinh đều có cửa để đóng, mở, khu vệ sinh được thiết kế thoáng mát và thường xuyên làm vệ sinh sạch sẽ, có hệ thống thoát nước xuống bể bioga. Tất cả các hình ảnh khu nhà vệ sinh cũng được lưu giữ trong các file ảnh của nhà trường  [H3-3.4-01].

Quanh trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường có 02 máy bơm với 03 bể lọc và bể chứa đảm bảo nước cho học sinh vệ sinh. Nước uống của giáo viên và học sinh được nhà trường hợp đồng với hộ kinh doanh Đàm Văn Lui. Nhà cung ứng nước sạch có đầy đủ hồ sơ đảm bảo tính pháp lí, an toàn vệ sinh thực phẩm được các cấp có cấp có thẩm quyền công nhận. Toàn bộ khu bể lọc của nhà trường, khu bảo quản nước sạch của nhà trường cũng được thể hiện hình ảnh trong các file ảnh và lưu giữ trong máy tính [H3-3.4-02]; [H3-3.4-04].

Hằng ngày học sinh các lớp trực nhật tập trung gom rác và đổ rác vào các thùng rác to của nhà trường tại các điểm đặt cố định. Các loại rác được phân loại ra thành loại hữu cơ và loại vô cơ, được xử lí đảm bảo vệ sinh không làm ảnh hưởng đến môi trường học tập; có ảnh chụp việc thu gom rác thải và các thùng rác [H3-3.4-05].

Mức 2:

Khu vệ sinh của học sinh và giáo viên được xây về phía sau trường đảm bảo phù hợp với cảnh quan học đường. Nhà vệ sinh có hệ thống tự hoại, thoát nước theo quy cách, tiêu chuẩn quy định được thể hiện qua những bức ảnh chụp nhà vệ sinh của giáo viên, học sinh nam, học sinh nữ [H3-3.4-01].

Hệ thống nước uống của học sinh đảm bảo theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của Bộ Y tế. Nhà trường có đầy đủ các bản hợp đồng nước sạch [H3-3.4-03].Hệ thống thoát nước, xử lý rác đảm bảo quy định vệ sinh môi trường. Hệ thống nước trong nhà trường là nước máy đã qua hệ thống bể lọc cát phục vụ việc rửa và vệ sinh hàng ngày của giáo viên và học sinh trong nhà trường. Trường có nhiều thùng rác được bố trí xung quanh trường đảm bảo môi trường sạch sẽ [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đảm bảo đạt yêu cầu.

Có hệ thống lọc nước sạch phục vụ học sinh.

Hệ thống thoát nước thải, thu gom rác đạt theo yêu cầu.

**3. Điểm yếu**

Công trình vệ sinh cho giáo viên và học sinh có chất lượng chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

+ Nâng cấp tu sửa khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh.

+ Người thực hiện: Ban giám hiệu

+ Biện pháp thực hiện: Tham mưu với UBND xã Tân Tiến, ngân sách huyện hỗ trợ, ngân sách nhà trường, xã hội hóa.

+ Thời gian thực hiện: Năm học 2021-2022 và những năm tiếp sau

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 3.5: Thiết bị.**

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng như: Bàn ghế, tivi, âm ly, loa, máy vi tính, máy in.. và các thiết bị khác đảm bảo phục vụ hoạt động của nhà trường [H3-3.5-06].

Nhà trường có cơ bản các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ công tác dạy và học của thầy và trò trong nhà trường theo danh mục tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định 100% giáo viên thường xuyên sử dụng thiết bị, các bài thực hành, sơ đồ cho học sinh tại lớp học của mình trong các giờ lên lớp. Các thiết bị được tập trung tại phòng thiết bị và được phân luồng, sắp xếp khoa học - hợp lý đảm bảo công tác mượn - trả, khai thác và sử dụng hiệu quả. Có đầy đủ sổ theo dõi mượn thiết bị theo quy định của Bộ GD&ĐT [H3-3.5-05];

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch kiểm kê, rà soát về số lượng và chất lượng nhằm đánh giá công tác quản lý đồ dùng dạy học cũng như chất lượng các thiết bị mà trường đã hợp đồng với các công ty qua các đợt kiểm kê. Hàng năm nhân viên phụ trách thiết bị phải tiến hành kiểm kê 02 lần/năm để rà soát những thiết bị hiện có, lập kế hoạch sửa chữa những thiết bị hỏng, bổ sung thay thế những thiết bị thiếu, hết, hư hỏng. Có đầy đủ hóa đơn hợp đồng mua sắm sửa chữa thiết bị [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-05].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của khối hành chính nhà trường, phòng bộ môn, phòng học được kết nối mạng internet do Viettel cung cấp phục vụ công tác quản lý, điều hành, học tập, giảng dạy của nhà trường. Có đầy đủ hợp đồng cung ứng mạng Internet; ảnh chụp phòng máy, các phòng chức năng có kết nối mạng [H3-3.5-01]; [H3-3.5-04]; [H3-3.5-06].

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định. Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục. Giáo viên các bộ môn của nhà trường kê lên các danh mục, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm của nhà trường, thiết bị tự làm cần cho bài dạy được chuyển xuống nhân viên thiết bị của nhà trường trước 01 tuần để chuẩn bị, sắp xếp theo yêu cầu của giáo viên theo bài dạy của mình (ống nghiệm, hóa chất, sơ đồ, biểu đồ….) nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đặc biệt là trong giai đoạn dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh như hiện nay [H3-3.5-03].

Vào cuối mỗi năm học BGH nhà trường chỉ đạo 02 tổ trưởng chuyên môn thực hiện việc kiểm kê cùng với nhân viên thiết bị để từ đó có kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị trình duyệt với hiệu trưởng vào cuối năm học hoặc có kế hoạch mua bổ sung thiết bị phục vụ các hội thi chuyên môn như thi giáo viên giỏi, giáo viên TPT giỏi, thi nghiên cứu khoa học [H3-3.5-05].

Mức 3:

Giáo viên các bộ môn của nhà trường kê lên các danh mục, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm của nhà trường, thiết bị tự làm cần cho bài dạy được chuyển xuống bộ phận thiết bị của nhà trường trước 01 tuần để chuẩn bị, sắp xếp theo yêu cầu của giáo viên theo bài dạy của mình (đồ dùng nằm trong danh mục mua sắm của nhà trường và đồ dùng giáo viên tự làm) nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đặc biệt là trong giai đoạn dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh như hiện nay [H3-3.5-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có tương đối đầy đủ các thiết bị dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh trong nhà trường.

Các thiết bị, danh mục bổ sung hàng năm được nhân viên thiết bị tiếp nhận, nhập sổ, phân loại, sắp xếp có hiệu quả đảm bảo việc sử dụng có hiệu quả; định kỳ hàng năm được kiểm kê, sửa chữa, mua sắm bổ sung

Giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả các thiết bị dạy học. Thiết bị dạy học đã góp phần quan trong trong việc năng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một số đồ dùng qua thời gian dài sử dụng có dấu hiệu hư hỏng (môn Sinh học, Vật lí, Hóa học, Thể dục...). Số đồ dùng dạy học tự làm hàng năm và có giá trị sử dụng lâu dài còn chưa nhiều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

***- Công việc 1:*** Cải tạo thiết bị đồ dùng của nhà trường.

+ Người thực hiện: Tổ trưởng chuyên môn, GVBM, nhân viên Thiết bị.

+ Biện pháp thực hiện: Rà soát những đồ dùng cần bổ sung.

+ Thời gian thực hiện: Năm học 2021-2022.

***- Công việc 2:*** Phát động trong giáo viên phong trào tự làm đồ dùng dạy học.

+ Người thực hiện: Giáo viên toàn trường.

+ Biện pháp thực hiện: Đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua hằng năm.

+ Thời gian: Mỗi năm phát động 01 lần vào đầu năm học.

***- Công việc 3***: Thực hiện tốt hơn công tác quản lý tài sản thiết bị dạy.

+ Người thực hiện: Người quản lý tài sản theo nhiệm vụ giao.

+ Biện pháp thực hiện:

+ Thời gian: Thực hiện công tác kiểm kê đánh giá hàng năm, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên thiết bị thí nghiệm của trường.

***- Công việc 4***: Sắp xếp đồ dùng, thiết bị khoa học hơn.

+ Người thực hiện: Người quản lý tài sản theo nhiệm vụ giao.

+ Biện pháp thực hiện: Thường xuyên kiểm tra đánh giá rút kinh nghiệm.

+ Thời gian: Thực hiện thường xuyên trong năm học.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học đạt chuẩn (trở lên).

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 01 phòng thư viện với diện tích khoảng 20m2 được bố trí ở tầng 2 thuận tiện cho hoạt động mượn - trả của giáo viên và học sinh. Hằng năm thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Có đầy đủ hồ sơ thư viện và hình ảnh thư viện [H3-3.6-01]; [H3-3.6-03];

Tủ sách của nhà trường được sắp xếp gọn gàng, có bàn ghế phục vụ cho người đọc. Sách của thư viện được xắp xếp theo tên loại, gáy sách được dán mã theo thứ tự, có sổ, mục lục để tra cứu tài liệu được nhanh, rõ ràng. Phòng đọc còn có cả máy tính phục vụ việc tra tìm các tài liệu mới được cập nhật, thông tin liên quan. Phòng thư viện có đầy đủ các nội quy để mọi người thực hiện [H3-3.6-01]; [H3-3.6-03].

Vào cuối học kỳ 1 và cuối năm học BGH nhà trường chỉ đạo nhân viên thư viện kiểm kê và lập danh mục các tài liệu, ấn phẩm đã cũ, rách, hết thời gian sử dụng. Danh mục kiểm kê thư viện được lưu trữ đầy đủ [H3-3.6-02].

Mức 2:

Thư viện nhà trường hoạt động đúng theo quy định và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Nhà trường đang phấn đấu đạt thư viện trường học đạt chuẩn trở lên theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy đinh tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-01].

Mức 3:

Phòng thư viện được trang bị hệ thống máy tính và có kết nối mạng internet phục vụ nhu cầu tra tìm tài liệu, nghiên cứu tài liệu, tra tìm hình ảnh hay các hoạt động khác góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học của nhà trường [H3-3.6-01].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện nhà trường được quan tâm, chỉ đạo của BGH nhà trường trong việc chỉ đạo các bộ phận phối kết hợp kiểm kê, thay thế, bổ sung các loại sách, tạp chí… Hàng năm được bổ sung thêm sách giáo khoa, sách tham khảo, báo, tạp chí, truyện tranh....Cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu đáp ứng nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu của CB, GV, NV và học sinh.

**3. Điểm yếu**

Kinh phí cho việc bổ sung, mua sắm các loại sách, báo còn hạn chế về số lượng. Sổ đầu sách còn ít chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình ngày một cao của ngành.

Trường chưa có cán bộ thư viện chuyên trách, ảnh hưởng đến hoạt động mượn, tra tìm tài liệu, sách báo, nghiên cứu của CB, GV, NV và học sinh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

***- Công việc 1:*** Tăng cường kinh phí bổ sung thêm sách, báo, tạp chí cho thư viện.

+ Người thực hiện: Ban giám hiệu.

+ Biện pháp thực hiện: Sử dụng nguồn ngân sách hàng năm bổ sung.

+ Thời gian thực hiện: vào tháng 8 và tháng 01 hàng năm.

***- Công việc 2:*** Vận động, quyên góp từ CB, GV, NV và học sinh.

+ Người thực hiện: Ban giám hiệu, TPT, giáo viên phụ trách thư viện, GVCN và học sinh.

+ Biện pháp thực hiện: tuyên truyền, vận động CB, GV, NV, học sinh theo đợt.

+ Thời gian thực hiện: vào tháng 01 và tháng 5 hàng năm.

***- Công việc 3:*** Tham mưu, đề nghị cấp trên bổ sung cán bộ thư viện chuyên trách.

+ Người thực hiện: Ban giám hiệu.

+ Biện pháp thực hiện: Lập văn bản đề nghị, ý kiến đề nghị tại các cuộc họp.

+ Thời gian thực hiện: Trong năm 2021-2022 và những năm học sau.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

Nhà trường có diện tích đảm bảo cho việc tổ chức tốt các hoạt động dạy và học; có đủ khối phòng phục vụ quản lý, dạy và học; trang thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học tương đối đầy đủ, giáo viên có ý thức sử dụng trang thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học.

Bên cạnh đó một số các đồ dùng thiết bị còn thiếu so với nhu cầu thực tế, một số thiết bị, đồ dùng đã xuống cấp hư hỏng. Các trang thiết bị học tập như máy tính phòng tin đã cũ, cấu hình thấp ảnh hưởng đến việc học tin học của học sinh, phòng y tế còn chung với phòng đoàn đội, công đoàn.

Tích cực tham mưu với chính quyền địa phương trong việc đầu tư, tu sửa cơ sở vật chất trường học.

**+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6**

**+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 6, MĐ2: 6, MĐ3: 1)**

**+ Số tiêu chí không đạt: 0**

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sức mạnh tổng hợp, quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục, là nguyên lý giáo dục nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường đã kiên trì thiết lập được mối quan hệ với gia đình và xã hội, nhờ vậy đã giúp nhà trường trong công tác quản lý học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục. Hàng năm, nhà trường tổ chức họp với ban đại diện CMHS theo định kỳ (đầu năm, cuối học kỳ 1, cuối năm học và đột suất khi có công việc cần trao đổi, giải quyết). Thành lập ban đại diện CMHS theo lớp, trường theo đúng quy định của tại Điều lệ ban đại diện CMHS. Lãnh đạo nhà trường tích cực tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, các nhà hảo tâm... để huy động vật lực, nhân lực để kiến thiết nhà trường ngày một khang trang, sạch đẹp nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.**

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Theo điều lệ hoạt động của ban đại diện CMHS vào đầu mỗi năm học BGH nhà trường tổ chức họp CMHS các lớp theo khối. Qua buổi họp CMHS đầu năm mỗi lớp thống nhất bầu ra ban đại diện CMHS của lớp đại diện gồm từ 03 đến 5 thành viên gồm trưởng ban, phó ban và thủ quỹ. Sau đó BGH nhà trường tổ chức cuộc họp CMHS các lớp để từ đó bầu ra ban đại diện CMHS trường gồm từ 3 thành viên [H4-4.1-02]; [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06].

Ban đại diện cha mẹ học sinh hằng năm có xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và đảm bảo hoạt động theo đúng thông tư số 55/2011/TT-BDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một năm ban đại diện CMHS họp thường kỳ 03 lần/ năm và họp đột xuất khi có việc phát sinh. Bản kế hoạch hoạt động do BGH nhà trường kết hợp với trưởng ban đại diện CMHS hoàn thiện xong sẽ chuyển về trưởng ban các lớp để căn cứ thực hiện, trong quá trình thực hiện có bất cập sẽ được điều chỉnh vào cuộc họp CMHS cuối học kỳ 1 [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS có trách nhiệm phối hợp với BGH nhà trường, GVCN các lớp trong việc phối kết hợp thực hiện các hoạt động giáo dục theo nội dung đã được thống nhất trong các cuộc họp CMHS với nhà trường, công tác đột xuất (vận động học sinh bỏ học quay trở lại trường, họp kỉ luật HS..). Huy động các nguồn lực từ phụ huynh học sinh, tổ chức đoàn thể trong, ngoài nhà trường chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng CSVC, thiết bị giáo dục của nhà trường; xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những hoạt động có ảnh hưởng xấu đến học sinh, tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động văn hóa, TDTT. Khen thưởng, động viên học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh tham gia các cuộc thi học sinh giỏi các cấp. Ban đại diện CMHS trường có quyền quyết định, triệu tập các cuộc họp theo quy định sau khi đã thống nhất với hiệu trưởng; căn cứ ý kiến của các ban đại diện CMHS lớp để kiến nghị với hiệu trưởng về những biện pháp cần thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ năm học của trường và về quản lý, giáo dục học sinh. Quyết định chi tiêu phục vụ các hoạt động của ban đại diện CMHS từ nguồn ủng hộ, tài trợ tự nguyện theo quy định và dưới sự giám sát, hướng dẫn của BGH [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Quy chế phối hợp 3 môi trường giáo dục và các hoạt động giáo dục tuyên truyền, huy động PHHS tham gia công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06]; [H4-4.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường nhiệt tình, có trách nhiệm và luôn được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động theo Điều lệ. Ban đại diện đã làm tốt các nhiệm vụ theo quyền hạn, trách nhiệm qui định, trong đó có việc huy động góp quỹ xây dựng để bổ sung cơ sở vật chất, phục vụ cho công tác giảng dạy của nhà trường. Luôn phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong các công tác liên quan nhằm góp phần nâng cao chất lượng nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một số bộ phận cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến con em mình, chưa phối kết hợp với giáo viên, nhà trường trong việc giáo dục học sinh hư hay quay trở lại lớp học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc, biện pháp và người thực hiện:

+ Đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong công tác giáo dục. Vận động cha mẹ học sinh tham gia tích cực, nhiệt tình hơn trong các hoạt động.

+ Tăng cường việc quản lý và giáo dục học sinh, đặc biệt là học sinh chưa ngoan, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tăng cường hơn nữa công tuyên truyền, phối kết hợp với các tổ chức, ban ngành đoàn thể có liên quan để nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục. Người thực hiện: BGH, GVCN, Ban đại diện CMHS.

Thời gian: Trong năm 2021 – 2022.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Vào đầu năm học hàng năm BGH nhà trường có kế hoạch năm học trình sang UBND trong đó có mục tham mưu, kiến nghị, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Đồng thời qua các buổi họp Chi bộ, họp HĐND xã BGH nhà trường tích cực tham mưu, đề xuất HĐND-UBND trong việc xây dựng cơ sở vật chất, tu sửa CSVC trong lộ trình xây dựng trường chuẩn, kiên cố hóa trường lớp đáp ứng yêu cầu dạy và học của nhà trường và phấn đấu trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn (2021-2025) [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

Nhà trường tuyên truyền tới toàn thể giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh học sinh qua các buổi họp, tọa đàm…để từ đó nâng cao nhận thức đúng đắn trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Các bài tuyên truyền, trang web của nhà trường. Các hoạt động tham gia lễ hội, sự kiện ở xã Tân Tiến đã phản ánh một cách tương đối đầy đủ các nội dung hoạt động ở trên [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch, huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Sử dụng có hiệu quả trong việc hỗ trợ học sinh trong các cuộc thi của nhà trường, đồng thời huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện để khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Trường có hồ sơ huy động và sử dụng các nguồn lực tự nguyện theo quy định [H4-4.2-05].

Mức 2:

BGH nhà trường tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong các giai đoạn tiếp theo [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

Trong các hội thi do các cấp tổ chức nhà trường tham gia đầy đủ các nội dung, cuộc thi do các cấp tổ chức như: thi hội khỏe Phù Đổng, giai điệu tuổi hồng. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể (trạm y tế, hội Cựu quân nhân, Đoàn thanh niên..) trong việc giáo dục lịch sử, truyền thống, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật... hay các nội dung giáo dục khác cho học sinh. Ngoài ra trong các dịp lễ lớn của nhà trường, các ngày truyền thống nhà trường tổ chức cho giáo viên, học sinh tham gia các tiết mục văn nghệ, tham gia các cuộc thi với các chủ điểm của tháng như kỉ niệm ngày hiến chương nhà giáo (20/11); ngày Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12), ngày thành lập Đoàn TNCSHCM 26/03, ngày thương binh liệt sĩ 27/7, qua đợt trải nghiệm để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh từ đó muốn học sinh nắm bắt, hiểu hơn về giá trị lịch sử, kỹ năng, kinh nghiệm khi tham gia học tập hay sinh hoạt hằng ngày [H4-4.2-04]; [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu với UBND xã Tân Tiến và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân trong lộ trình xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương thường xuyên quan tâm đến mọi hoạt động giáo dục của trường.

Đã thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; được Đảng uỷ, chính quyền và các đoàn thể địa phương quan tâm; được cha mẹ học sinh đồng tình và phối hợp hiệu quả trong các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Công tác tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã Tân Tiến chưa thường xuyên. Tuyên truyền vận động xã hội hóa chưa hiệu quả.

Công tác phối hợp với các đoàn thể chưa đạt hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc, biện pháp và người thực hiện.

+ Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, chính quyền địa phương về kế hoạch và các giải pháp phát triển nhà trường.

+ Trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

+ Huy động thêm nguồn kinh phí để tổ chức cho nhiều đối tượng học sinh được tham quan các di tích Lịch sử, công trình văn hóa và có điều kiện đến nhiều nơi hơn, từ đó giúp học sinh có thêm những kiến thức từ thực tế nhằm nâng cao hơn hiệu quả giáo dục.

- Người thực hiện: BGH, Công Đoàn, TPT, GVCN

- Thời gian: Trong năm 2021-2022 và những năm tiếp theo

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường chủ động trong việc phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục và cũng đã nhận được sự phối hợp giúp đỡ có hiệu quả của các tổ chức đoàn thể đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường. Có sự kết hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa nhà trường với ban đại diện cha mẹ học sinh, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội. Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường.

Có các giải pháp giáo dục học sinh của lớp thật sự thích hợp, tạo được sự đồng cảm giữa học sinh với học sinh, giáo viên với học sinh và phụ huynh với giáo viên. Tạo điều kiện để các em có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, động viên kịp thời những học sinh nghèo vượt khó, giáo viên thân thiện với học sinh. BGH nhà trường chỉ đạo GV công nghệ, GVCN duy trì việc sử dụng sổ liên lạc và liên lạc điện tử giữa nhà trường và phụ huynh học sinh, giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm ghi chép, thông báo các thông tin cần thiết của lớp, của nhà trường tới phụ huynh bằng sổ liên lạc và liên lạc điện tử. Nhà trường đã có những hoạt động tuyên truyền, giáo dục để học sinh thực hiện tốt phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Tuy nhiên trong mối quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội trong những năm qua còn bộc lộ những điểm yếu đó là: Một bộ phận nhỏ phụ huynh học sinh chưa thực sự quan tâm tới giáo dục, sự phối kết hợp còn hạn chế, còn phó mặc trách nhiệm cho nhà trường. Việc tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học còn hạn chế.

**+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4**

**+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 2, MĐ2: 2, MĐ3: 0)**

**+ Số tiêu chí không đạt: 0**

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở đầu:**

Thực hiện các hoạt động giáo dục là nhiệm vụ cơ bản và trọng tâm của một nhà trường. Việc đảm bảo chương trình giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục là cơ sở, thước đo đánh giá chất lượng nhà trường. Dựa trên các văn bản của Bộ, ngành nhà trường đã tổ chức thực hiện nghiêm túc văn bản chỉ đạo, kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy, kế hoạch bộ môn và các hoạt động giáo dục theo quy định. Tích cực áp dụng CNTT, đổi mới dạy theo phương pháp định hướng phát triển năng lực học sinh nhằm kích thích tính tự học, tự tìm tòi, sáng tạo của học sinh, phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu của học sinh, qua đó các thầy cô có phương pháp dạy phù hợp với học sinh hơn để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường qua từng năm. Quan tâm, động viên, chia sẻ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh yếu, kém. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chương trình giáo dục địa phương, giáo dục hướng nghiệp và các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống. BGH nhà trường chỉ đạo GVCN thường xuyên theo dõi, nắm bắt kết quả giáo dục của học sinh, báo cáo về BGH kịp thời. Trong thời gian qua, tập thể cán bộ giáo viên của trường đã không ngừng phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ từng năm học. Việc không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục học sinh là mục tiêu lớn nhất của nhà trường. Những năm học vừa qua, nhà trường luôn nỗ lực cố gắng, phấn đấu để đạt được mục tiêu này.

**Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ theo kế hoạch năm học 35 tuần, học sinh được học đầy đủ các môn học theo quy định. Hiện nay nhà trường đang dạy chương trình học mô hình trường học mới. Học theo chương trình mô hình trường học mới với các môn Toán, Ngữ Văn, KHTN, KHXH, GDCD, Ngoại ngữ, Tin học, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tự chọn. Ngoài việc học các môn văn hóa, học sinh toàn trường còn được tham gia các hoạt động giáo dục khác: Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm và kỹ năng sống đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh. Các hoạt động giáo dục và giảng dạy của giáo viên, học sinh được lãnh đạo nhà trường, tổ chuyên môn kiểm tra thông qua dự giờ, thăm lớp, kiểm tra hồ sơ... và đánh giá định kỳ theo tuần, tháng [H5-5.1-01]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04];.

Giáo viên bộ môn tích cực áp dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện hiện có của nhà trường. Trong quá trình giảng dạy giáo viên bộ môn đều hướng dẫn cặn kẽ cho học sinh phương pháp học tập cụ thể từng bộ môn. Việc hướng dẫn học sinh học học tập tích cực, chủ động, sáng tạo được tiến hành qua các phương pháp giảng dạy mới của thầy cô, ngoài phương pháp thuyết trình, vấn đáp truyền thống, như thảo luận nhóm, sắm vai tình huống, thực hành, thí nghiệm, tham quan thực tế…. Các em còn được thầy cô giáo hướng dẫn tự học ở nhà như nghiên cứu trước bài học trong sách giáo khoa, tìm thông tin bổ sung trên Internet, thực nghiệm các kiến thức đã học trên lớp. Ngoài ra, học sinh còn biết phản biện qua việc trình bày những ý kiến, quan điểm của mình về một vấn đề, đặt câu hỏi với giáo viên về những vấn đề còn vướng mắc. Trong quá trình giảng dạy giáo viên đã hướng dẫn học sinh học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và có mạnh dạn phản biện. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Trong quá trình dạy học giáo viên đã áp dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh (kiểm tra vấn đáp, kiểm tra viết, kiểm tra kỹ năng thực hành, kiểm tra qua hồ sơ học tập của học sinh, kiểm tra thông qua sản phẩm dự án,..) việc kiểm tra, đánh giá được giáo viên bộ môn, GVCN kiểm tra thường xuyên, định kỳ. Giáo viên bộ môn, GVCN, BGH, Hội đồng sư phạm nhà trường cùng tham gia đánh giá đảm bảo tính khách quan, chính xác [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

Mức 2:

Vào đầu mỗi năm học BGH nhà trường xây dựng kế hoạch năm học dựa trên văn bản chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thiện kế hoạch BGH nhà trường giao cho 2 tổ trưởng chuyên môn thuộc 2 tổ KHTN và KHXH lập kế hoạch sinh hoạt nhóm chuyên môn, lấy ý kiến thống nhất chương trình, kế hoạch dạy học của các môn học dựa trên khung PPCT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo. Trong năm học BGH chỉ đạo giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện trong quá trình giảng dạy giáo viên đã hướng dẫn học sinh học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và có mạnh dạn phản biện [H5-5.1-01]; [H5-5.1-04].

Dựa trên kết quả của năm học trước, vào đầu năm học, BGH chỉ đạo giáo viên bộ môn rà soát, khảo sát, kiểm tra, đánh giá để phát hiện ra những học sinh có năng khiếu, tố chất để bồi dưỡng và phụ đạo, kèm cặp các em học sinh hạn chế về nhận thức, gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Giao cho giáo viên thể dục, âm nhạc, mĩ thuật, giáo viên bộ môn văn hóa lựa chọn thành lập câu lạc bộ thể thao, văn hóa, văn nghệ thực hiện theo kế hoạch năm học và kế hoạch bộ môn đã để ra [H5-5.1-03].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường đã thường xuyên thực hiện công việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của việc áp dụng các biện pháp, giải pháp, cách thức tổ chức các môn học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên với nhận thức, kết quả học tập của học sinh theo tháng, kỳ, năm học. Trên cơ sở đó tổ chuyên môn, nhà trường rút ra được những ưu điểm, hạn chế, phương hướng để điều chỉnh sao cho phù hợp trong những năm học sau [H5-5.1-06]; [H5-5.1-07]; [H1-1.8-04]; [H1-1.7-01]; [H5-5.1-07].

**2. Điểm mạnh**

Thực hiện đúng, đầy đủ chương trình, kế hoạch môn học và các hoạt động theo quy định.

Giáo viên đã biết vận dụng linh hoạt đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh.

Trong đó việc hướng dẫn cho học sinh sử dụng hợp lý sách giáo khoa, việc ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp của giáo viên, việc đổi mới kiểm tra đánh giá và hướng dẫn học sinh tự đánh giá được chú ý và thực hiện.

Đa dạng hóa loại hình kiểm tra để đánh giá chính xác kết quả học sinh.

Chất lượng giáo dục đại trà hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu.

**3. Điểm yếu**

Việc áp dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực theo định hướng năng lực và phẩm chất cho người học chưa thật sự hiệu quả do điều kiện về cơ sở vật chất cũng như các trang thiết bị còn thiếu và chưa đồng bộ.

Việc bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh của một số giáo viên còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc, biện pháp và người thực hiện:

Nhà trường và tổ chuyên môn cần tăng cường tổ chức các chuyên đề theo định hướng nghiên cứu bài học, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. BGH đa dạng hoá các hình thức kiểm tra đánh giá công tác tự bồi dưỡng của giáo viên đối với cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Từ đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên đảm bảo tính hiệu quả.

- Người thực hiện: BGH, TTCM, GVBM

- Thời gian thực hiện: Hàng tháng

- Dự kiến kinh phí: Không

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Vào tháng 8, 9 hàng năm, BGH nhà trường chỉ đạo các bộ phận GVCN, GVBM, Văn thư, Kế toán và một số bộ phận khác trong, ngoài nhà trường (cha mẹ học sinh, đoàn thanh nhiên) xem xét rà soát, cung cấp thông tin học sinh chi tiết để từ đó phân loại học sinh, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Dựa vào kết quả đã có nhà trường giao 2 tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ, ôn tập, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H5-5.2-01].

Sau khi Phó hiệu trưởng duyệt kế hoạch ôn tập, phụ đạo học sinh giao cho GVBM trực tiếp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Việc này được giáo viên bộ môn thực hiện trực tiếp trên giờ dạy của giáo viên đó và trong buổi phụ đạo buổi sáng hoặc buổi chiều học chuyên đề của lớp đó; hay trong buổi ôn tập cuối học kỳ 1, trong hè để học sinh có thể thực hiện kiểm tra lại những môn không đạt yêu cầu theo quy định [H5-5.2-01].

Kết thúc mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức họp để rà soát, đánh giá lại các hoạt động giáo dục học sinh, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của các em để từ đó đề ra các biện pháp phù hợp để bồi dưỡng, giúp đỡ có hiệu quả hơn vào kỳ 2 và trong hè [H5-5.2-01]; [H2-2.4-06].

Mức 2:

Giáo viên định kỳ tiến hành khảo sát, đánh giá kết quả học tập của học sinh có năng khiếu làm căn cứ thành lập các đội tuyển tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa. Nhà trường tổ chức cho học sinh có học lực yếu kém làm bài kiểm tra lại để xét lên lớp vào đầu năm học. Hằng năm nhà trường có học sinh đạt giải cao trong các cuộc thi cấp huyện, cấp tỉnh về văn hóa, văn nghệ và TDTT. Số lượng học sinh giỏi ngày càng nhiều hơn so với các năm học trước; tỷ lệ học sinh yếu, kém giảm đáp ứng mục tiêu giáo dục theo kế hoạch đề ra [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]; [H2-2.4-06].

Mức 3:

Hằng năm tỉ lệ học sinh đạt giải trong cuộc thi cấp huyện, tỉnh chiếm tỉ lệ khá cao, tỷ lệ học sinh đạt giải cấp tỉnh được duy trì và ổn định. Năm  học 2016-2017 trường có 1 học sinh đạt giải 3 huyện ở cuộc thi “Giai điệu tuổi hồng”; Năm học 2018-2019 trường có 4 học sinh đạt giải. Năm học 2019 -2020 trường có 3 học sinh đạt giải. Năm học 2020-2021, em Nguyễn Thị Minh Ánh đạt giải 3 cấp tỉnh môn Sinh, em Nguyễn Diệu Thương đạt giải khuyến khích môn Văn cấp tỉnh. Em Lê Ngọc Ánh đạt Huy chương vàng môn Bóng bàn cấp tỉnh [H5-5.2-02]; [H2-2.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả các giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh có học lực yếu, kém, trong điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn.

Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, trách nhiệm và có phương pháp rèn luyện học sinh; biết động viên, khích lệ học sinh giỏi, học sinh yếu, kém vươn lên trong học tập. Hằng năm đều có học sinh đoạt giải cao trong các hội thi do các cấp tổ chức.

**3. Điểm yếu**

Trình độ của một số giáo viên trong tổ chức các hoạt động giáo dục còn hạn chế, cơ sở vật chất còn thiếu thốn. Còn một số gia đình học sinh có điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên việc quan tâm con cái còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc, biện pháp và người thực hiện:

+ Định kỳ hàng tháng rà soát, đánh giá kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém.

+ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước để bổ sung thêm tài liệu tham khảo bồi dưỡng học sinh giỏi; tăng mức thưởng cho giáo viên và học sinh có thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém để động viên, khích lệ giáo viên và học sinh. Bản thân giáo viên phải tiếp tục học hỏi và trau dồi kinh nghiệm giảng dạy của mình để bồi dưỡng đội tuyển có chất lượng cao hơn nữa.

- Người thực hiện: BGH, TTCM, Kế toán, TV-TB

- Thời gian thực hiện: Hàng tháng, hàng năm.

- Dự kiến kinh phí: Không

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định tại Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông từ năm học 2008-2009. Và trong những năm học gần đây BGH nhà trường chỉ đạo 2 tổ chuyên môn phân công giáo viên bộ môn Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý, Âm nhạc, Mĩ thuật thực hiện nghiêm túc, có chất lượng các tiết dạy giáo dục địa phương trong chương trình và lồng ghép vào nội dung bài học đối với một số môn khác, tiết học khác như chào cờ, sinh hoạt lớp. Đặc biệt năm học 2020-2021, tổ KHXH đã thực hiện một chuyên đề về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên của tỉnh Hưng Yên cho học sinh lớp 6 [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.1-05].

Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được giáo viên thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo tính khách quan và hiệu quả giáo dục [H1-1.5-01].

Hằng năm, nhà trường thực hiện việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương sao cho hợp lý với thực tế, tuy nhiên việc đánh giá chưa đạt hiệu quả cao [H5-5.3-02].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường chỉ đạo nhóm dạy thuộc các bộ môn dạy theo các nội dung, kế hoạch bộ môn đề ra. Trong quá trình giảng dạy điều chỉnh các nội dung phù hợp với tình hình thay đổi của tỉnh, ngành, nhà nước. Từ đó thông qua các môn học để có những sản vật, sản phẩm của địa phương để giáo dục và rèn luyện, góp phần hoàn thiện con người và phát huy những thành quả lao động của địa phương [H5-5.3-01]; [H1-1.8-07].

**2. Điểm mạnh**

Thực hiện nội dung giáo dục địa phương đầy đủ, đúng quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường đã triển khai và thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định, lồng ghép trong các tiết học theo phân phối chương trình của bộ môn Lịch Sử, Địa lí, Ngữ văn.... các khối lớp.

Nhà trường chỉ đạo tổ KHXH và nhóm chuyên môn thực hiện các chuyên đề về giáo dục địa phương như chuyên đề “Vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên Hưng Yên” được thực hiện trong năm học 2020-2021.

**3. Điểm yếu**

Việc thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hằng năm còn chưa sâu sắc.

Tài liệu phục vụ công tác giáo dục địa phương, hướng nghiệp còn chưa đa dạng, phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc, biện pháp và người thực hiện:

+ Ban giám hiệu thực hiện nghiêm túc việc rà soát, đánh giá nội dung giáo dục địa phương 1 lần/năm (cuối năm học) trên cơ sở đó đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương đảm bảo thực hiện đạt hiệu quả hơn.

+ Giáo viên dạy các môn Ngữ văn, KHXH sưu tầm, bổ sung thêm tài liệu về nội dung giáo dục địa phương, cập nhật trong giáo án và thư viện để học sinh có điều kiện đọc, tìm hiểu.

- Thời gian: Năm học 2021-2022.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ theo kế hoạch năm học (37 tuần)

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp theo tuần, tháng đúng kế hoạch, đúng quy định phù hợp với điều kiện nhà trường [H1-1.7-03].

Từ năm học 2018-2019, nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm theo đúng sự chỉ đạo của các cấp, hình thức sinh động, phong phú. Tổ chức dạy hướng nghiệp theo đúng kế hoạch đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đề ra. Đặc biệt còn tổ chức ngày hội STEM đây là sân chơi khoa học bổ ích và lí thú cho học sinh được trải nghiệm vận dụng kiến thức lí thuyết vào thực tiễn [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Hàng năm, nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H5-5.4-03].

Mức 2:

Vào đầu mỗi năm học BGH nhà trường xây dựng kế hoạch năm học dựa trên văn bản chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thiện kế hoạch BGH nhà trường lập kế hoạch trải nghiệm và hướng nghiệp, lấy ý kiến thống nhất chương trình, kế hoạch dạy học của  môn học dựa trên khung PPCT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hàng năm nhà trường tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức đa dạng và phong phú phù hợp với học sinh và đạt kết quả thiết thực [H1-1.7-03]; [H5-5.4-04].

Hàng năm nhà trường định kì, rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp. Tổng kết, rút kinh nghiệm cho các năm tiếp theo [H5-5.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Thực hiện đúng, đầy đủ chương trình, kế hoạch môn học và các hoạt động theo quy định.

Giáo viên đã biết vận dụng linh hoạt đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh.

Kế hoạch và nội dung hướng nghiệp phù hợp với học sinh và tình hình thực tế tại địa phương. Các hoạt động trải nghiệm đa dạng phong phú đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đặt ra cho môn học.

**3. Điểm yếu**

Do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tập nên đã ảnh hưởng đến kế hoạch trải nghiệm của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc, biện pháp và người thực hiện:

Ban giám hiệu, tổ chuyên môn tham gia, góp ý kiến chỉ đạo cho giáo viên dạy trải nghiệm sáng tạo tổ chức cho học sinh hoạt động trải nghiệm dưới các hình thức sinh động, phong phú, đa dạng hơn nữa.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

**Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Chương trình giáo dục kỹ năng sống được nhà trường quan tâm thực hiện. Nhà trường đã chọn môn kỹ năng sống là môn học tự chọn ở tất cả các khối lớp. Giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh; rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác; thông qua việc thực hiện các quy định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau; giáo dục và tư vấn về sức khoẻ thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh [H1-1.5-01]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-03].

Quá trình thực hiện rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục chính khóa, ngoại khóa, hoạt động giáo dục tập thể của nhà trường. Qua các hoạt động này học sinh được tích lũy thêm các kỹ năng cần thiết và quan trọng như kỹ năng tự bảo vệ mình khỏi các cám dỗ của cuộc sống, kỹ năng tham gia giao thông, kỹ năng phòng chống các bạo lực học đường [H1-1.10-02]; [H2-2.4-03].

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Đa số học sinh trong trường có ý thức chăm ngoan, ngoan ngoãn chấp hành tốt mọi nội quy của nhà trường đề ra; học sinh có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ các bạn khi gặp khó khăn, vâng lời thầy cô, cha mẹ [H5-5.5-02]; [H2-2.4-03].

Mức 2:

Trong các hoạt động giáo dục và dạy học, giáo viên đã thực hiện hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân mình thông qua việc tự nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động học tập, kết quả thực hiện nội quy học sinh [H2-2.4-03]; [H5-5.2-03].

Cơ bản đa số học sinh đã biết vận dụng kiến thức học được vào thực tiễn ở mức độ phát hiện vấn đề, xử lý các tình huống vào trong cuộc sống hàng ngày ví dụ như khi tham gia giao thông học sinh biết nhường đường cho người già và trẻ em, biết dừng lại khi có tín hiệu đèn đỏ, biết giúp đỡ người gặp khó khăn... Tuy nhiên việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống của học sinh còn chưa đạt hiệu quả cao, nhiều em học sinh còn lúng túng khi xử lý các tình huống thực tế [H2-2.4-03]; [H1-1.10-02].

Mức 3:

Trong nhiều năm liền nhà trường có nhiều học sinh tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp huyện đạt kết quả tương đối tốt.

Trong năm 2017 nhà trường đã có 01 sản phẩm học sinh thực hiện việc nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của giáo viên và chuyên gia đã đạt thành tích trong cuộc thi “Nghiên cứu khoa học kỹ thuật” dành cho học sinh trung học cấp tỉnh [H2-2.2-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống được tổ chức thường xuyên và thu hút được sự quan tâm của học sinh. Thông qua các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp.

**3. Điểm yếu**

Điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện giáo dục dành cho nội dung này còn hạn chế nên một số nội dung giáo dục kỹ năng sống chưa được thực hiện đúng kế hoạch.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc, biện pháp và người thực hiện:

+ Hàng tuần, giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội thực hiện cập nhật và lưu trữ hồ sơ, hình ảnh tư liệu về giáo dục kỹ năng sống đầy đủ, khoa học, kịp thời. Ban giám hiệu tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, tổ chức các cuộc thi, trò chơi trong năm học để rèn kỹ năng sống cho học sinh.

+ Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, tổ chức các cuộc thi, cuộc chơi, trò chơi trong năm học để rèn luyện kỹ năng cho học sinh.

+ Thực hiện việc dạy kỹ năng sống bằng nhiều hình thức khác nhau như học qua hình ảnh, video bài dạy, thực hành trực tiếp ở một số môn như môn công nghệ, tham gia trải nghiệm thực tế.

+ Cử giáo viên có năng lực tham gia các khóa, các lớp tập huấn về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh do các cấp tổ chức.

- Thời gian thực hiện: năm học 2021-2022

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỉ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỉ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

- Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỉ lệ học sinh bỏ học và lưu ban

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trong giai đoạn 5 năm học từ năm (2016-2017) đến năm học (2021-2022) chất lượng giáo dục nhà trường đạt hiệu quả tốt, được đánh giá là một trong những trường có chất lượng nằm trong tốp đầu của phong trào giáo dục huyện Văn Giang. Năm học 2019-2020 tỉ lệ kết quả học tập: Tốt 149 chiếm 19,4%; Hoàn thành 546 chiếm 71.1%. Năm học 2020-2021 tỉ lệ kết quả học tập: Tốt chiếm 23,3%, Đạt  69,7%. Chất lượng giáo dục đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức so kế hoạch đề ra năm học [H5-5.6-02].

Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu kế hoạch năm học đề ra. Hằng năm tỉ lệ học sinh lên lớp chiếm tỉ lệ 99% trở lên, tỉ lệ học sinh lưu ban dưới 1%. Trong 5 năm gần đây tỉ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS chiếm tỉ lệ 100% tổng số học sinh khối 9 [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Hằng năm nhà trường thực hiện công tác phân luồng học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp THCS đảm bảo đạt hiệu quả theo kế hoạch đề ra. Tỉ lệ học sinh thi vào lớp 10 những năm gần đây đạt kết quả cao. Số học sinh sau tốt nghiệp THCS tham gia học nghề ngày một nhiều hơn [H5-5.6-03].

Mức 2:

Hằng năm chất lượng 2 mặt giáo dục của nhà trường có sự chuyển biến tích cực, thường năm sau có tỉ lệ chất lượng đạt cao hơn năm trước. Bảng tổng hợp học lực- hạnh kiểm hằng năm sau khi đã kiểm tra lại và rèn luyện trong kỳ nghỉ hè. Cùng với đó chất lượng đánh giá học sinh được lên lớp, tốt nghiệp có chuyển biến tích cực [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Tỉ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu kế hoạch năm học đề ra. Hằng năm tỉ lệ học sinh lên lớp chiếm tỉ lệ 99% trở lên, tỉ lệ học sinh lưu ban dưới 1%. Trong 5 năm gần đây tỉ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS chiếm tỉ lệ 100% tổng số học sinh khối 9 [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03].

Mức 3:

Trong 5 năm qua từ năm học 2016 đến hiện tại chất lượng giáo dục nhà trường không ngừng được nâng cao cụ thể:

Học lực tỉ lệ kết quả học tập: Tốt chiếm 23,3%, Đạt  69,7% , Cần cố gắng 7%. Phẩm chất: Tốt 88%, Đạt 11%, Cần cố gắng < 1% [H5-5.6-02].

Hằng năm tỉ lệ học sinh bỏ học dưới 1%, học sinh lưu ban dưới 1% [H5-5.6-02].

**2. Điểm mạnh**

Trong những năm học vừa qua từ năm học 2016 đến 2021, hiện tại chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường tăng dần, ổn định và đã có những tiến bộ. Tỉ lệ học sinh lưu ban hằng năm thấp.

Nhà trường đã làm tốt công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh. Kết quả thực hiện phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt cao.

**3. Điểm yếu**

Chất lượng học sinh giỏi chưa đều ở các môn còn hạn chế ở một số môn: Địa, Toán.

Ý thức học tập của một số học sinh chưa tốt.

Trong những năm qua vẫn còn học sinh bỏ học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

- Công việc và biện pháp thực hiện:

+ BGH chỉ đạo TTCM, GV bộ môn đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn, đổi mới bài dạy có hiệu quả. Bổ sung các dụng cụ, hóa chất, thiết bị phục vụ đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng yêu cầu qua từng giai đoạn.

+ BGH, TTCM tăng cường dự giờ lên lớp để trao đổi, tư vấn về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực và hình thức tổ chức buổi học của giáo viên hiệu quả.

+ Nhà trường cần phối kết hợp chặt chẽ với PHHS, ban đại diện CMHS trường, lớp, các tổ chức địa phương trong việc giáo dục học sinh hư, vận động học sinh quay trở lại học.

+ GVCN các lớp chủ động quan tâm, tìm hiểu, nắm chắc các thông tin, hoàn cảnh gia đình của học sinh để có biện pháp, kế hoạch giáo dục đối với từng đối tượng học sinh. Chủ động liên lạc trao đổi tình hình của học sinh với gia đình khi học sinh có dấu hiệu bất thường.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:**

Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục phản ánh được chất lượng hoạt động của nhà trường. Hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường có nề nếp. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các qui định chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương. Phong trào học sinh giỏi luôn được duy trì tốt và có hiệu quả. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ chào mừng các ngày kỉ niệm, rèn kĩ năng sống cho học sinh. Công tác giáo dục thể chất và y tế học đường được chú trọng. Nhà trường thực hiện tốt chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục, thực hiện đúng đủ nội dung theo thời gian quy định. Mỗi năm nhà trường tổ chức hiệu quả các hoạt động dự giờ, thao giảng, hội giảng, thanh tra, giáo viên tích cực sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học, áp dụng công nghệ thông tin, tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Luôn quan tâm đến công tác giúp đỡ giáo dục, đối với học sinh có học lực yếu, kém, tổ chức các hoạt động giáo dục giúp học sinh yêu thích việc học tập hơn. Kết quả đánh giá xếp loại học lực và hạnh kiểm của học sinh đáp ứng được mục tiêu giáo dục và chất lượng ngày càng cao.

Trong quá trình thực hiện nhà trường vẫn còn một số mặt hạn chế như tài liệu giáo dục địa phương còn hạn chế, chưa được cập nhật đầy đủ các dữ liệu, tư liệu cụ thể. Một số hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục địa phương còn chưa lưu lại những tư liệu, hình ảnh để phục vụ công tác lưu trữ, giáo dục cho những học sinh năm sau.

**+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6**

**+ Số tiêu chí đạt: (MĐ1: 6, MĐ2: 6, MĐ3: 4)**

**+ Số tiêu chí không đạt: 0**

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1.** Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong những năm qua, nhà  trường đã mạnh dạn, tích cực xây dựng và phát triển chương trình giáo dục THCS theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của một số trường THCS trong và ngoài tỉnh phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

**2. Điểm mạnh**

Chương trình giáo dục THCS của Bộ GD&ĐT Ban hành đã được nhà trường phát triển và áp dụng hiệu quả, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

**3. Điểm yếu**

Việc áp dụng một số phương pháp dạy học của các nước tiên tiến trên thế giới đối với nhà trường còn chưa có điều kiện tiếp cận.

Việc tổ chức tập huấn cho giáo viên và cán bộ quản lý về áp dụng chương trình giáo THCS của các nước trong khu vực còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tổ chức cho giáo viên đi tập huấn, dự giờ, đánh giá, rút kinh nghiệm việc áp dụng chương trình, phương pháp dạy học.

Tham mưu với cấp trên tổ chức cho cán bộ, giáo viên được tham gia tập huấn, thăm quan, học tập mô hình dạy học áp dụng theo phương pháp của các nước trong khu vực.

Tổ chức thảo luận, lắng nghe ý kiến, kiểm tra thực tiễn việc thực hiện chương trình GD của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt**.**

**Tiêu chí 2.** Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**1. Mô tả hiện trạng**

Đầu năm học, nhà trường tổ chức họp và có kế hoạch phân loại đối tượng học sinh nghèo, hoàn cảnh khó khăn để tạo điều kiện tốt nhất cho các em. Có kế hoạch giáo dục phù hợp. Thường xuyên phát hiện những học sinh có năng khiếu ở các môn học để bồi dưỡng thêm, phát hiện học sinh gặp khó khăn trong học tập để có biện pháp giúp đỡ [H5-5.2-01].

100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn đều được động viên các em đến trường, được học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Trong các năm học, nhà trường đều có học sinh đạt giải trong các kì thi học sinh giỏi cấp huyện [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo các điều kiện tốt nhất để học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập được đáp ứng các điều kiện tốt nhất để học tập và rèn luyện. Nhà trường đã phát động giáo viên và học sinh hỗ trợ cả về vật chất và trong học tập cho học sinh diện khó khăn. Công tác bồi dưỡng HSG, học sinh năng khiếu được quan tâm nên hằng năm nhà trường đều có nhiều học sinh đạt danh hiệu HSG cấp trường, cấp huyện và cấp tỉnh.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa quan tâm được thường xuyên đến đối tượng khó khăn, học sinh năng khiếu trong học tập. Vì vậy, chưa đảm bảo được 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Quan tâm và đầu tư hơn nữa trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh yếu, giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập.

**5. Tự đánh giá: Không đạt.**

**Tiêu chí 3.** Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã có các biện pháp để khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ theo sự hướng dẫn của GV. Học sinh đã tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp huyện có sản phẩm và được Phòng GD & ĐT công nhận [H2-2.2-06]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, nhà trường luôn quan tâm và chú trọng và có kế hoạch cụ thể, xây dựng đồng thời chỉ đạo GV hướng dẫn cho học sinh tham gia nghiên cứu KHKT.

**3. Điểm yếu**

Nhiều học sinh tập trung học văn hóa nhiều hơn, ít quan tâm đến việc tham gia các hoạt động KHKT. Vẫn còn một số ít học sinh chưa tích cực tham gia các hoạt động KHKT của nhà trường. Kết quả học sinh thi nghiên cứu khoa học chưa cao, chưa vận dụng được vào giải quyết những vẫn đề thực tiễn được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục toàn diện. Tập trung hướng dẫn đầu tư và khuyến khích học sinh tìm tòi và nghiên cứu khoa học để đạt giải cao và vận dụng được vào giải quyết những vẫn đề thực tiễn được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**5. Tự đánh giá: Không đạt.**

**Tiêu chí 4.** Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Thư viện nhà trường có diện tích 60m2. Có nội quy thư viện, có tủ sách pháp luật riêng. Có đầy đủ sách báo, tạp chí, sách nghiệp vụ, sách tham khảo, sách giáo khoa phục vụ GV, học sinh. Hằng năm, thư viện được bổ sung sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng nhu cầu nghiên cứu  học tập của CBGVNV và học sinh, có kế hoạch từng bước xây dựng thư viện điện tử [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Hằng năm, NV kiêm nhiệm phụ trách thư viện của nhà trường đều kiểm kê các loại sách và đề nghị Hiệu trưởng bổ sung thêm sách, báo, tài liệu tham khảo cho thư viện nhà trường [H1-1.6-02]; [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

Thư viện của nhà trường có phòng đọc của GV, phòng đọc của học sinh không gian rộng rãi, thoáng mát, có đủ quạt mát và ánh sáng phục vụ cho việc đọc sách của CBQL, GV, NV và học sinh [H3-3.6-03].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện của nhà trường có nhiều loại sách tham khảo hay phục vụ cho GV, NV và học sinh; GV và học sinh luôn có ý thức trau dồi kiến thức qua việc đọc sách. Có phòng đọc riêng cho CB, GV, NV, học sinh. Trường đã sử dụng CNTT trong việc quản lý Thư viện;

**3. Điểm yếu**

Chưa có NV thư viện chuyên trách, chưa xây dựng được thư viện điện tử, sách trong thư viện đã có tương đối đầy đủ nhưng chưa thật phong phú, chưa đáp ứng được nhu cầu nâng cao trong giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bổ sung thêm nhiều các loại sách báo, tạp chí, tài liệu tham khảo để thu hút được nhiều hơn bạn đọc. Từng bước thực hiện kế hoạch xây dựng thư viện điện tử và đưa vào hoạt động. Tăng cường công tác giới thiệu sách, báo đến với GV và HS để có nhiều bạn đọc hơn đến với thư viện. Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục đầu tư xây dựng phòng thư viện và phòng đọc thêm trang thiết bị hiện đại. Tham mưu với các cấp có thẩm quyền biên chế cho trường một NV thư viện chuyên trách.

**5. Tự đánh giá: Không đạt.**

**Tiêu chí 5.** Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển, hằng năm có rà soát đánh giá.

Tuy nhiên, chưa thực hiện được về việc đảm bảo cơ sở và chất của nhà trường trong 05 năm liên tiếp.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển, hằng năm có rà soát đánh giá

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa thực hiện được về việc đảm bảo cơ sở và chất của nhà trường trong 05 năm liên tiếp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tham mưu với các cấp lãnh đạo để đảm bảo đầy đủ có chất lượng về cơ sở vật chất trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt**.**

**Tiêu chí 6.** Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong 05 năm học qua, kết quả học lực, hạnh kiểm của HS có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vẫn chưa vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

**2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ học sinh lên lớp, học sinh tốt nghiệp của trường tương đối ổn định và ở mức cao. Số học sinh khá, giỏi tăng, số học sinh bỏ học, lưu ban giảm. Hằng năm, học sinh của trường luôn tham gia đầy đủ và đạt giải trong các kỳ thi HSG cấp huyện, một số em được tham gia thi và đạt giải học sinh cấp tỉnh.

**3. Điểm yếu**

Mặc dù trường có nhiều học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi song tỉ lệ các môn được giải cao chưa đồng đều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục triển khai các biện pháp cụ thể, động viên, khuyến khích các em học sinh thi đua học tập và các thầy cô giáo, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, chú trọng bồi dưỡng, phát triển đồng đều các môn.

**5. Tự đánh giá: Không đạt**

**Kết luận:**

**+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6**

**+ Số tiêu chí đạt: 0**

**+ Số tiêu chí không đạt: 6**

**Phần III**

**KẾT LUẬN CHUNG**

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3;

+ Mức 1: Đạt 28 chiếm 100%;

+ Mức 2: Đạt 28 chiếm 100%;

+ Mức 3: Đạt 11 chiếm 55%;

+ Không đạt 0 chiếm 0%;

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4;

+ Đạt 0 chiếm 0%;

+ Không đạt 6 chiếm 100%;

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2;

- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2;

- Các kết luận khác: Trên đây là báo cáo tự đánh giá trường THCS Tân Tiến- Văn Giang. Đối chiếu lại toàn bộ các tiêu chuẩn, các tiêu chí và chỉ báo của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, hội đồng tự đánh giá nhà trường đã đánh giá theo 5 tiêu chuẩn. Tuy nhiên, mức độ đạt ở một vài tiêu chuẩn cũng còn chưa thật thoả đáng. Điều đó đã được hội đồng tự đánh giá ghi ở những điểm yếu. Những điểm yếu ở một vài tiêu chuẩn, tiêu chí tiếp tục được nhà trường khắc phục, tìm ra các biện pháp để cải tiến những điểm yếu đó trong những năm học tiếp theo để cập được với yêu cầu của trường học đạt kiểm định chất lượng, đạt chuẩn quốc gia và yêu cầu của xã hội. Căn cứ vào Điều 05, 06 của quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và chu kì kiểm định chất lượng giáo dục và thời hạn công nhận đạt chuẩn quốc gia ban hành kèm theo Thông tư 18/2018/TT- BGD- ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo; Trường THCS Tân Tiến đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.**

Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng hoàn thiện và hiệu quả./.

**Xin trân trọng cảm ơn!**

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Tân Tiến, ngày 06 tháng 8 năm 2021***HIỆU TRƯỞNG** **Đào Thị Phương** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |